

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: Khoa Kế toán - Kiểm toán

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán thuế và lập báo cáo tài chính		
Mã học phần:	71ACCT30122_02	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	02, 03		
Hình thức thi: Project	Thời gian làm bài:		Phút/ ngày
☐ Cá nhân	☒ Nhóm		
<i>Quy cách đặt tên file</i>	<i>Mã SV_Ho và ten SV_Nhom</i>		

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 17/11/2024.**

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi/đề bài:
+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TIEUL_De 1

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (***nén lại và đặt mật khẩu file nén***) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Xử lý thông tin khi thực hiện các công việc kế toán tại doanh nghiệp bao gồm: ghi nhận nghiệp vụ về các loại thuế, tính phí phát sinh, chi phí theo đúng quy định của pháp luật	Project	30%	Yêu cầu 1, 2, 3	3	PI 2.1
CLO2	Lập báo cáo tài chính, xử lý các nghiệp vụ khóa sổ, sai sót kế toán, ước tính kế toán, các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo đúng các quy định của pháp luật.		30%	Yêu cầu 4, 5	3	
CLO3	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chuyên môn trong việc lập báo cáo tài chính		20%		2	
CLO4	Làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm một cách hiệu quả		20%	Nhật ký làm việc nhóm	2	PI 4.3
CLO5	Thể hiện sự tuân thủ Luật kế toán và Luật thuế trong					

	khi giải quyết các tình huống thực tế					
--	---------------------------------------	--	--	--	--	--

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

ĐỀ 1:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Công ty TNHH TM DV Mỹ Hạnh, MST: 0331355779
- Địa chỉ: 37 Tân Thạnh, P.10, Quận Tân Phú, TP.HCM
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Linh kiện điện tử

- Sản phẩm: Bàn phím, thẻ nhớ và màn hình LCD
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho hàng tồn kho và ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn
 - + Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

Tài khoản		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		400.000.000		
	1111	400.000.000		
112		1.020.000.000		
	1121	800.000.000		Ngân hàng Á Châu
	1122	220.000.000		10.000USD, mở tại ngân hàng Á Châu
131		900.000.000		

1311		700.000.000		
	1311_A	300.000.000		Công ty A, ngày phát sinh 01/01/N-1, thời hạn nợ 24 tháng
	1311_B	400.000.000		Công ty B, ngày phát sinh 01/06/N-2, thời hạn nợ 18 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
1312		200.000.000		
	1312_C	200.000.000		Công ty C, ngày phát sinh 15/9/N, thời hạn nợ 24 tháng
153		6.000.000		
	1531_CC	6.000.000		Số lượng: 6 công cụ (mỗi công cụ 1.000.000)
156		600.000.000		
	1561_BP	400.000.000		Số lượng: 4.000 cái bàn phím
	1561_TN	200.000.000		Số lượng: 5.000 cái thẻ nhớ
	1561_LC	0		Màn hình LCD
211		708.000.000		
	2112_LT	60.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 laptop Asus mỗi máy 30.000.000)

	2113_XT	648.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
214			473.000.000	
	2141_LT		47.000.000	Hao mòn lũy kế laptop 3 năm 11 tháng
	2141_XT		426.000.000	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 11 tháng
331			570.000.000	
	3311_X		250.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3312_Y		320.000.000	Công ty Y (nợ dài hạn)
411			2.591.000.000	
	41111		2.591.000.000	
TỔNG		3.634.000.000	3.634.000.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N.

- Ngày 01/12, mua 1 laptop Dell theo hóa đơn GTGT số 0001567, giá mua chưa thuế 50.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. Laptop được đưa vào sử dụng ngay tại bộ phận bán hàng. Thời gian trích khấu hao theo kế toán 5 năm, theo thuế là 4 năm.
- Ngày 02/12, xuất kho 400 bàn phím gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 500.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).
- Ngày 03/12, nhập khẩu màn hình LCD, số lượng 200 cái, giá nhập khẩu là 8.000USD, thuế nhập khẩu phải nộp là 5%, thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%, doanh nghiệp đã chuyển khoản thanh toán ngay cho người bán và đã chuyển khoản tiền VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ). Biết rằng tỷ giá GDTT mua 21.050VNĐ/USD, bán 21.150VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.100VNĐ/USD.

4. Ngày 05/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 300 bàn phím, hoa hồng đại lý được hưởng là 5% trên tổng trị giá bán chưa thuế do đại lý bán được, thuế suất thuế GTGT của hoa hồng là 10%, công ty đã nhận được hóa đơn hoa hồng do đại lý gửi.
5. Ngày 06/12, xuất khẩu 1.000 thẻ nhớ bán cho công ty P, giá bán 9USD/cái, tỷ giá giao dịch thực tế mua 22.820VNĐ/USD, bán 22.920VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.100VNĐ/USD, thuế xuất khẩu 15%, thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%, khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Công ty đã chuyển khoản tiền VNĐ nộp thuế XK (đã có giấy báo của ngân hàng).
6. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay cho ông Nguyễn Văn Minh: 2.200.000đ (biết rằng số tiền ở thời điểm đi vay là 100.000.000đ dùng cho hoạt động kinh doanh, lãi suất vay cá nhân là 2,2%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1,3%/tháng).
7. Ngày 13/12, mua về nhập kho 10.000 bàn phím và 10.000 thẻ nhớ của công ty X, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001367, giá chưa thuế 120.000đ/bàn phím và 50.000đ/thẻ nhớ, thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán. Tiền hàng thanh toán trong vòng 12 tháng.
8. Ngày 15/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 70.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng).
9. Ngày 18/12, xuất kho 9.000 bàn phím bán cho công ty C, hóa đơn GTGT số 0002438, số tiền chưa thuế 600.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).
10. Ngày 19/12, mua nhập kho 3.000 thẻ nhớ và 100 màn hình LCD của công ty Y, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001401, giá mua chưa thuế là 60.000đ/thẻ nhớ và 1.200.000đ/màn hình LCD, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng (đã nhận giấy báo Nợ).
11. Ngày 20/12, xuất kho 8.000 thẻ nhớ bán cho Công ty A, hóa đơn GTGT số 0002239, giá bán chưa thuế 250.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty A đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).
12. Ngày 22/12, nhận được hóa đơn tiền điện số 0006789, dùng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp, số tiền chưa thuế 5.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.
13. Ngày 23/12, nhận giấy báo Nợ của ngân hàng về việc chuyển tiền thanh toán cho Công ty X, số tiền 50.000.000đ.

14. Ngày 24/12, chi tạm ứng bằng tiền mặt 1.000.000đ cho nhân viên A đi công tác.
15. Ngày 26/12, nhận được giấy báo Có của ngân hàng, số tiền 20.000.000đ do công ty D ứng tiền mua hàng.
16. Ngày 28/12, chi tiền đồng phục cho 3 nhân viên bộ phận bán hàng và 2 nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp trong năm N, số tiền 7.000.000đ/1 nhân viên.
17. Ngày 30/12, lô hàng bán ngày 18/12 có 10 bàn phím bị lỗi nên công ty C đã trả lại, DN đã nhập kho, giá vốn hàng lỗi là 100.000đ/cái, hóa đơn GTGT số 0001235, đã chuyển khoản cho khách hàng (đã nhận giấy báo Có).
18. Ngày 30/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 50.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 100.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.
19. Ngày 30/12, tiền thuế TNCN tạm tính của nhân viên là 20.000.000đ.
20. Ngày 31/12, chi tiền mặt nộp các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn tháng 12.
21. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.
22. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).
23. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).
24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 22.550VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 22.720VNĐ/USD.
25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.
2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện

hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 2:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty SX Linh Nga
- Trụ sở: 123 Thanh Xuân 62, P. Thanh Xuân, Quận 12, Tp.HCM
- Vốn điều lệ của công ty: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thiết bị tỏa nhiệt.
- Sản phẩm: Bàn ủi.
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho hàng tồn kho và ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn
 - + Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		340.000.000		

	1111	340.000.000		
112		1.088.000.000		
	1121	890.000.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	198.000.000		9.000USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		905.000.000		
	1311	645.000.000		
	1311_A	230.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/01/N-1, thời hạn nợ 15 tháng
	1311_B	415.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/10/N-1, thời hạn nợ 12 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
	1312	260.000.000		
	1312_C	260.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 16 tháng
152		400.000.000		
	152_TH	300.000.000		Số lượng: 20.000 kg thép
	152_DD	100.000.000		Số lượng 10.000m dây đốt nóng
153		3.000.000		
	1531_CC	3.000.000		Số lượng: 3 công cụ (mỗi công cụ 1.000.000đ)

154		1.500.000		
	154_BU	1.500.000		
155		400.000.000		
	1551	400.000.000		
	1551_BU	400.000.000		Số lượng: 4.000 cái bàn ủi
211		812.000.000		
	2112_LT	72.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 máy hủy giấy mỗi máy 36.000.000đ)
	2113_XT	740.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
214			528.481.481	
	2141_LT		42.000.000	Hao mòn lũy kế máy hủy giấy 2 năm 11 tháng
	2141_XT		486.481.481	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 11 tháng
331			642.000.000	
	3311		642.000.00	
	3311_X		260.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3311_Y		382.000.000	Công ty Y (nợ ngắn hạn)
411			2.779.018.519	
	4111		2.779.018.519	

TỔNG	3.949.500.000	3.949.500.000	
-------------	----------------------	----------------------	--

II.2 Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N:

1. Ngày 01/12, bán bớt 1 máy hủy giấy đang dùng tại bộ phận quản lý doanh nghiệp với giá bán chưa thuế GTGT 18.000.000đ, thuế GTGT 10%, công ty đã xuất hóa đơn GTGT số 0001237 và nhận được giấy báo Có của ngân hàng do khách hàng thanh toán tiền. Chi phí tân trang tài sản để bán là 825.000đ, trong đó thuế GTGT là 10% đã thanh toán bằng tiền mặt.

2. Ngày 02/12, xuất kho 2.000 cái bàn ủi gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 700.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).

3. Ngày 03/12, nhập khẩu 10.000kg thép, giá nhập khẩu là 9.000USD, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 22.050VNĐ/USD; 22.150VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng doanh nghiệp chưa thanh toán cho người bán K, thời hạn thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận hàng. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).

4. Ngày 05/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 1.500 cái bàn ủi, hoa hồng đại lý được hưởng là 5% trên tổng doanh thu chưa thuế, thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi căn trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có).

5. Ngày 06/12, mua 1 laptop Hp theo hóa đơn GTGT số 0001234, số tiền chưa thuế 52.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. Laptop được đưa vào sử dụng cùng ngày, dùng cho hoạt động bán hàng. Thời gian trích khấu hao 6 năm theo thuế và 5 năm theo kế toán.

6. Ngày 08/12, xuất khẩu 1.000 bàn ủi bán cho công ty D, giá bán 22 USD/cái, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 21.150VNĐ/USD; 21.250VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.500VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 5% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp thuế vào ngân sách nhà nước (đã có giấy báo của ngân hàng).

7. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay cho ông Nguyễn Văn A: 3.000.000đ (biết rằng số tiền ở thời điểm đi vay là 200.000.000đ dùng cho hoạt động kinh doanh, lãi

suất vay cá nhân là 1,5%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 0,81%/tháng.

8. Ngày 13/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 180.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ).

9. Ngày 14/12, mua nhập kho 5.000kg thép và 8.000m dây đốt nóng của công ty H, nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, số tiền chưa thuế 17.000đ/kg và 11.000đ/m, thuế suất thuế GTGT 10%, thanh toán trong vòng 45 ngày.

10. Ngày 15/12, chuyển khoản thanh toán tiền điện, nước dùng ở phân xưởng sản xuất, số tiền chưa thuế 20.000.000đ, thuế GTGT 10% (đã nhận giấy báo Nợ ngân hàng).

11. Ngày 16/12, xuất kho 25.000kg thép và 15.000m dây đốt nóng để sản xuất sản phẩm

12. Ngày 17/12, mua 1 máy lạnh đưa ngay vào sử dụng ở BPQL, số tiền chưa thuế 15.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt, máy lạnh phân bổ 10 tháng, bắt đầu từ tháng này.

13. Ngày 19/12, chuyển khoản thanh toán tiền mua lô hàng ngày 14/12, do thanh toán trước hạn nên được hưởng chiết khấu thanh toán 3% trên tổng giá trị đơn hàng.

14. Ngày 20/12, thanh toán tiền đồng phục năm N cho 3 nhân viên QLDN số tiền 8.500.000đ/nhân viên (đã nhận giấy báo Nợ).

15. Ngày 25/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 60.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 70.000.000đ, công nhân trực tiếp sản xuất 80.000.000đ, nhân viên phân xưởng 50.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.

16. Ngày 26/12, tiền thuế TNCN tạm tính là 30.000.000đ

17. Ngày 27/12, xuất kho 1.000 bàn ủi bán cho Công ty L, hóa đơn GTGT số 0001239, số tiền chưa thuế 500.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty L đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).

18. Ngày 27/12, chi tiền mặt thanh toán phạt vi phạm hợp đồng là 20.000.000đ

19. Ngày 28/12, kiểm kê kho phát hiện thiếu 1 công cụ, công ty xử lý bằng cách trừ lương nhân viên quản lý kho tháng này.

20. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)

21. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.

22. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).

23. Ngày 31/12, nhận báo cáo từ phân xưởng, số lượng thành phẩm hoàn thành nhập

kho là 5.000TP. Thực hiện các bút toán kết chuyển chi phí tính giá thành sản phẩm (biết công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn, chi phí dở dang cuối kỳ 3.000.000đ)

24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 22.600VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 22.700VNĐ/USD.

25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.
2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 3:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty SX Sơn Ngọc
- Trụ sở: 97, Tô Hiến Thành, Quận 10, Tp.HCM
- Công ty SX Sơn Ngọc được thành lập theo giấy phép đầu tư số 433/GP-HCM, ngày 25/9/2014.
- Vốn điều lệ của Công ty: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thiết bị, đồ gia dụng.
- Sản phẩm: Nồi cơm điện.
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp FIFO; tính giá xuất ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn
 - + Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		385.000.000		
	1111	385.000.000		
112		1.101.500.000		
	1121	902.000.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	199.500.000		9.500USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		1.070.000.000		
	1311	756.000.000		
	1311_A	469.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/6/N-2, thời hạn nợ 18 tháng

	1311_B	287.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/01/N-1, thời hạn nợ 24 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
	1312	314.000.000		
	1312_C	314.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/06/N, thời hạn nợ 24 tháng
152		600.000.000		
	152_HK	400.000.000		Số lượng: 1.000 kg hợp kim nhôm
	152_CS	200.000.000		Số lượng: 10.000 lít cao su tổng hợp
153		2.520.000		
	1531_CC	2.520.000		Số lượng: 3 công cụ (mỗi công cụ 840.000đ)
154		3.000.000		
	154_NC	3.000.000		
155		500.000.000		
	1551	500.000.000		
	1551_NC	500.000.000		Số lượng: 500 cái nồi cơm điện
211		818.000.000		
	2113_XT	784.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)

	2114_BA	34.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (1 bàn làm việc)
214			476.707.407	
	2141_XT		450.074.074	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 2 tháng
	2141_BA		26.633.333	Hao mòn lũy kế bàn làm việc 3 năm 11 tháng
331			702.000.000	
	3311		320.000.000	
	3311_X		320.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3312		382.000.000	
	3312_Y		382.000.000	Công ty Y (nợ dài hạn)
411			3.301.312.593	
	4111		3.301.312.593	
TỔNG		4.480.020.000	4.480.020.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty năm N.

1. Ngày 01/12, nhập khẩu hợp kim nhôm số lượng 500kg, giá nhập khẩu là 19 USD/Kg, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 22.250VNĐ/USD; 22.350VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 23.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng doanh nghiệp chưa thanh toán cho người bán K, thời hạn thanh toán trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận hàng. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).

2. Ngày 02/12, xuất kho 300 nồi cơm điện gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá

bán chưa thuế 4.000.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).

3. Ngày 04/12, mua 1 kết sắt theo hóa đơn GTGT số 0002234, số tiền chưa thuế 45.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. TS được đưa vào sử dụng cùng ngày cho Bộ phận bán hàng. Thời gian trích khấu hao 5 năm theo thuế và 6 năm theo kế toán.

4. Ngày 05/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 280 nồi cơm điện, hoa hồng đại lý được hưởng là 6% trên tổng doanh thu chưa thuế, thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi căn trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có).

5. Ngày 08/12, xuất khẩu 100 nồi cơm điện bán cho công ty V, giá bán 175USD/cái, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 22.350VNĐ/USD; 22.550VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.600VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 5% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp thuế vào ngân sách nhà nước (đã có giấy báo của ngân hàng).

6. Ngày 09/12, xuất kho 3 công cụ dùng cho phân xưởng sản xuất, không phân bổ dần.

7. Ngày 14/12, mua về nhập kho 1.000kg hợp kim nhôm và 1.200lít cao su tổng hợp của công ty H, nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, số tiền chưa thuế 450.000đ/kg và 22.000đ/lít, thuế suất thuế GTGT 10%, thanh toán trong vòng 45 ngày.

8. Ngày 15/12, chuyển khoản thanh toán tiền điện, nước dùng ở phân xưởng sản xuất, số tiền chưa thuế 16.000.000đ, thuế GTGT 10% (đã nhận giấy báo Nợ ngân hàng).

9. Ngày 17/12, xuất kho 10.500lít cao su tổng hợp và 2.000kg hợp kim nhôm theo yêu cầu sản xuất của Phân xưởng.

10. Ngày 18/12, chi tiền mặt mua 2 công cụ về nhập kho, số tiền chưa thuế 500.000đ/cái, thuế GTGT 10% công cụ về nhập kho phát hiện thừa 1 cái, chưa rõ nguyên nhân.

11. Ngày 20/12, bán bàn làm việc đang dùng tại bộ phận quản lý doanh nghiệp với giá bán chưa thuế GTGT 8.000.000đ, thuế GTGT 10%, công ty đã xuất hóa đơn GTGT số 0001337 và nhận được giấy báo Có của ngân hàng do khách hàng thanh toán tiền. Chi phí vận chuyển tài sản đi bán là 572.000đ, trong đó thuế GTGT là 10% đã thanh toán bằng tiền mặt.

12. Ngày 21/12, chi tiền thanh toán phí vi phạm giao thông khi vận chuyển hàng đi bán số tiền 6.000.000đ.

- 13. Ngày 22/12**, nhận được 200.000.000đ tiền mặt do công ty Z thanh toán (khoản nợ khó đòi đã xóa sổ năm N-2).
- 14. Ngày 22/12**, nhận được hóa đơn dịch vụ vận chuyển do thay đổi trụ sở công ty, số tiền chưa thuế 25.000.000đ, thuế GTGT 10%, công ty đã thanh toán ngay bằng tiền mặt.
- 15. Ngày 23/12**, xuất kho 100 nồi cơm điện bán cho Công ty T, hóa đơn GTGT số 0001239, số tiền chưa thuế 4.200.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty T đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).
- 16. Ngày 24/12**, mua 1 máy lạnh đưa ngay vào sử dụng ở bộ phận bán hàng, số tiền chưa thuế 18.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt, máy lạnh phân bổ 18 tháng, bắt đầu từ tháng này
- 17. Ngày 25/12**, chi tiền gửi ngân hàng 50.000.000đ ứng trước tiền cho công ty H để mua thép hợp kim vào tháng sau
- 18. Ngày 26/12**, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 50.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 60.000.000đ, công nhân trực tiếp sản xuất 75.000.000đ, nhân viên phân xưởng 45.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.
- 19. Ngày 27/12**, chuyển khoản nộp các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn tháng 12
- 20. Ngày 31/12**, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)
- 21. Ngày 31/12**, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.
- 22. Ngày 31/12**, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).
- 23. Ngày 31/12**, nhận báo cáo từ phân xưởng, số lượng thành phẩm hoàn thành nhập kho là 1.000TP. Thực hiện các bút toán kết chuyển chi phí tính giá thành sản phẩm (biết công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn, chi phí dở dang cuối kỳ 2.000.000đ)
- 24. Ngày 31/12**, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 21.000VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 21.250VNĐ/USD.
- 25. Ngày 31/12**, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.
2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Bảng lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 4:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty TNHH TM Ánh Hồng
- Trụ sở: 134 Lạc Long Quân, P.5, Quận 11, Tp.HCM
- Công ty TNHH TM Ánh Hồng được thành lập theo giấy phép đầu tư số 38/GP-HCM, ngày 23/8/2014.
- Vốn điều lệ của công ty: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Mỹ phẩm
- Sản phẩm: Sữa rửa mặt và nước tẩy trang.
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá

xuất kho theo phương pháp FIFO; tính giá xuất ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn

+ Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

+ Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		283.000.000		
	1111	283.000.000		
112		1.148.200.000		
	1121	958.140.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	190.060.000		8.600USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		1.013.000.000		
	1311	794.000.000		
	1311_A	320.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/07/N-1, thời hạn nợ 12 tháng
	1311_B	474.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/10/N-1, thời hạn nợ 18 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý

	1312	219.000.000		
	1312_C	219.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/03/N, thời hạn nợ 24 tháng
153		4.100.000		
	1531_CC	4.100.000		Số lượng: 5 công cụ (mỗi công cụ 820.000đ)
156		740.000.000		
	1561_A	510.000.000		Số lượng: 5.100 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A
	1561_B	230.000.000		Số lượng: 4.600 chai sữa rửa mặt nhãn hàng B
	1561_C			Nước tẩy trang
211		903.000.000		
	2113_XT	841.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
	2114_LT	62.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 máy tính mỗi máy 31.000.000đ)
214			531.362.962	
	2141_XT		482.796.296	Hao mòn lũy kế 5 năm 2 tháng của xe tải
	2141_BA		48.566.666	Hao mòn lũy kế 3 năm 11 tháng của 2 máy tính

331			703.000.000	
	3311		340.000.000	
	3311_X		340.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3312		363.000.000	
	3312_Y		363.000.000	Công ty Y (nợ dài hạn)
338			2.000.000	
	3383		2.000.000	Ngắn hạn (BHXH chưa thanh toán)
411			2.554.937.038	
	4111		2.554.937.038	
TỔNG		4.091.300.000	4.091.300.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty năm N.

1. Ngày 01/12, mua 1 máy điều hòa theo hóa đơn GTGT số 0001234, số tiền chưa thuế 60.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. TS được đưa vào sử dụng cùng ngày, dùng cho hoạt động bán hàng. Thời gian trích khấu hao 5 năm theo thuế và 6 năm theo kế toán.

2. Ngày 03/12, nhập khẩu nước tẩy trang từ công ty AH, số lượng 800 chai, giá nhập khẩu là 10,3 Usd/chai, tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.250VNĐ/USD; 22.350VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 23.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng thanh toán trong vòng 45 ngày. Công ty đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).

3. Ngày 04/12, xuất kho 500 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 400.000đ/chai, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).

4. Ngày 05/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay cho ông Nguyễn Văn Nam: 5.700.000đ (biết rằng số tiền ở thời điểm đi vay là 300.000.000đ dùng cho hoạt động kinh doanh, lãi suất vay cá nhân là 1,9%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1,1%/tháng).

5. Ngày 06/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 450 sữa rửa mặt nhãn hàng A, hoa hồng đại lý được hưởng là 3% trên tổng giá trị đơn hàng đại lý bán được, thuế suất thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi căn trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản thanh toán hết tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có ngân hàng).

6. Ngày 07/12, mua về nhập kho 9.000 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A và 8.500 chai sữa rửa mặt nhãn hàng B của công ty XY, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, giá mua chưa thuế 150.000đ/chai sữa rửa mặt nhãn hàng A và 65.000đ/chai sữa rửa mặt nhãn hàng B, thuế suất thuế GTGT 10%, tiền hàng thanh toán trong vòng 45 ngày.

7. Ngày 08/12, xuất khẩu 820 sữa rửa mặt nhãn hàng A bán cho công ty BNZ, giá bán 10USD/chai, tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.250VNĐ/USD; 22.350VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 23.200VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 15% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản (đã có giấy báo Có), doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ thanh toán tiền thuế xuất khẩu (đã nhận giấy báo của ngân hàng).

8. Ngày 10/12, bán bớt 1 máy vi tính đang dùng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp thu ngay bằng tiền mặt với giá bán đã bao gồm thuế GTGT là 11.000.000đ, thuế GTGT 10%. Chi phí tân trang tài sản trước khi bán là chưa thuế GTGT 500.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

9. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 80.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ).

10. Ngày 11/12, công ty chuyển khoản thanh toán phí do vi phạm hành chính về lĩnh vực môi trường là 6.000.000đ (đã nhận giấy báo của ngân hàng).

11. Ngày 12/12, công ty chuyển tiền gửi ngân hàng thanh toán phí thuê mặt bằng bán hàng trong vòng 1 năm bắt đầu tính từ 01/12/N đến 30/11/N+1, số tiền chưa thuế 120.000.000đ, thuế GTGT 10%, phân bổ trong 12 tháng (đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng).

12. Ngày 15/12, xuất kho 8.000 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A bán cho Công ty LM, hóa đơn GTGT số 0001239, số tiền chưa thuế 300.000đ/chai, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty LM đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).

13. Ngày 18/12, công ty C hoàn thành việc bảo trì tài sản cố định đang dùng tại BPBH. Công ty đã nhận được hóa đơn yêu cầu thanh toán phí bảo trì với số tiền chưa thuế

5.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thời gian thanh toán trong vòng 45 ngày.

14. Ngày 20/12, xuất kho 1 công cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên TSCĐ (tài sản dùng ở BPBH).

15. Ngày 23/12, công ty chuyển tiền gửi ngân hàng thanh toán tiền mua hàng ngày 03/12 cho công ty AH, phí ngân hàng khi thanh toán là 20USD. Tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.350VNĐ/USD; 22.450VNĐ/USD.

16. Ngày 25/12, công ty LM báo lô hàng mua ngày 15/12 bị lỗi, đã gửi biên bản đề nghị giảm giá 2% trên giá mua chưa thuế, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty đã đồng ý xuất hóa đơn giảm giá và chuyển khoản thanh toán lại công ty LM.

17. Ngày 28/12, khách hàng K chuyển khoản 50.000.000đ ứng trước tiền mua hàng tháng sau (công ty đã nhận được Giấy báo có ngân hàng)

18. Ngày 30/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 60.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 80.000.000đ. Kế toán ghi nhận lương phải trả và trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.

19. Ngày 31/12, chuyển khoản nộp các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn còn nợ

20. Ngày 31/12, tiền thuế TNCN tạm tính của nhân viên là 30.000.000đ.

21. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)

22. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.

23. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).

24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 21.500VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 21.600VNĐ/USD.

25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.

2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N

4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.

5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 5:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Công ty TNHH TM DV Đông Anh, MST: 0331345779
- Địa chỉ: 37 Tân Thạnh, P.10, Quận Tân Phú, TP.HCM
- Vốn điều lệ: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng./.)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Linh kiện điện tử
- Sản phẩm: Bàn phím, thẻ nhớ và màn hình LCD
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho hàng tồn kho và ngoại tệ theo phương pháp nhập trước xuất trước
 - + Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

Tài khoản		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		400.000.000		
	1111	400.000.000		
112		1.022.000.000		
	1121	800.000.000		Ngân hàng Á Châu
	1122	222.000.000		10.000USD, mở tại ngân hàng Á Châu
131		1.100.000.000		
1311		300.000.000		
	1311_A	300.000.000		Công ty A, ngày phát sinh 01/03/N, thời hạn nợ 12 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
1312		800.000.000		
	1312_B	600.000.000		Công ty B, ngày phát sinh 01/06/N-2, thời hạn nợ 18 tháng
	1312_C	200.000.000		Công ty C, ngày phát sinh 15/9/N, thời hạn nợ 24 tháng
153		6.000.000		

	1531_CC	6.000.000		Số lượng: 6 công cụ (mỗi công cụ 1.000.000)
156		680.000.000		
	1561_BP	480.000.000		Số lượng: 4.000 cái bàn phím
	1561_TN	200.000.000		Số lượng: 5.000 cái thẻ nhớ
	1561_LC	0		Màn hình LCD
211		708.000.000		
	2112_LT	60.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 laptop Asus mỗi máy 30.000.000)
	2113_XT	648.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
214			473.000.000	
	2141_LT		47.000.000	Hao mòn lũy kế laptop 3 năm 11 tháng
	2141_XT		426.000.000	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 11 tháng
331			570.000.000	
	3311_X		250.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3312_Y		320.000.000	Công ty Y (nợ dài hạn)
341			200.000.000	
	3411		200.000.000	Khoản vay ông A

411			2.673.000.000	
	41111		2.673.000.000	
TỔNG		3.916.000.000	3.916.000.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N.

1. Ngày 01/12, mua 1 laptop Dell theo hóa đơn GTGT số 0001567, giá mua chưa thuế 50.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. Laptop được đưa vào sử dụng ngay tại bộ phận bán hàng. Thời gian trích khấu hao theo kế toán 5 năm, theo thuế là 3 năm.
2. Ngày 02/12, xuất kho 400 bàn phím gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 500.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).
3. Ngày 03/12, nhập khẩu màn hình LCD, số lượng 200 cái, giá nhập khẩu là 8.000USD, thuế nhập khẩu phải nộp là 5%, thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%, doanh nghiệp đã chuyển khoản thanh toán ngay cho người bán và đã chuyển khoản tiền VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ). Biết rằng tỷ giá GDTT mua 21.050VNĐ/USD, bán 21.150VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.100VNĐ/USD.
4. Ngày 05/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 300 bàn phím, hoa hồng đại lý được hưởng là 5% trên tổng trị giá bán chưa thuế do đại lý bán được, thuế suất thuế GTGT của hoa hồng là 10%, công ty đã nhận được hóa đơn hoa hồng do đại lý gửi.
5. Ngày 06/12, xuất khẩu 1.000 thẻ nhớ bán cho công ty P, giá bán 9USD/cái, tỷ giá giao dịch thực tế mua 22.820VNĐ/USD, bán 22.920VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.100VNĐ/USD, thuế xuất khẩu 15%, thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%, khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Công ty đã chuyển khoản tiền VNĐ nộp thuế XK (đã có giấy báo của ngân hàng).
6. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay tháng 12 cho ông Nguyễn Văn A. Biết rằng khoản vay này dùng cho hoạt động kinh doanh, lãi suất vay cá nhân là 2,2%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1,2%/tháng).
7. Ngày 13/12, mua về nhập kho 10.000 bàn phím và 10.000 thẻ nhớ của công ty X, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001367, giá chưa thuế 120.000đ/bàn phím và

50.000đ/thẻ nhớ, thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán. Tiền hàng thanh toán trong vòng 12 tháng.

8. Ngày 15/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 80.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng).

9. Ngày 18/12, xuất kho 9.000 bàn phím bán cho công ty C, hóa đơn GTGT số 0002438, số tiền chưa thuế 600.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).

10. Ngày 19/12, mua nhập kho 3.000 thẻ nhớ và 100 màn hình LCD của công ty Y, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001401, giá mua chưa thuế là 60.000đ/thẻ nhớ và 1.200.000đ/màn hình LCD, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng (đã nhận giấy báo Nợ).

11. Ngày 20/12, xuất kho 8.000 thẻ nhớ bán cho Công ty A, hóa đơn GTGT số 0002239, giá bán chưa thuế 250.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty A đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).

12. Ngày 22/12, nhận được hóa đơn tiền điện số 0006789, dùng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp, số tiền chưa thuế 5.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

13. Ngày 23/12, nhận giấy báo Nợ của ngân hàng về việc chuyển tiền thanh toán cho Công ty X, số tiền 50.000.000đ.

14. Ngày 24/12, chi tạm ứng bằng tiền mặt 1.000.000đ cho nhân viên A đi công tác.

15. Ngày 26/12, nhận được giấy báo Có của ngân hàng, số tiền 30.000.000đ do công ty D ứng tiền mua hàng.

16. Ngày 28/12, chi tiền đồng phục cho 3 nhân viên bộ phận bán hàng và 2 nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp trong năm N, số tiền 8.000.000đ/1 nhân viên.

17. Ngày 30/12, lô hàng bán ngày 18/12 có 10 bàn phím bị lỗi nên công ty C đã trả lại, DN đã nhập kho, giá vốn hàng lỗi là 100.000đ/cái, hóa đơn GTGT số 0001235, đã chuyển khoản cho khách hàng (đã nhận giấy báo Có).

18. Ngày 30/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 60.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 120.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.

19. Ngày 30/12, tiền thuế TNCN tạm tính của nhân viên là 20.000.000đ.

20. Ngày 31/12, chuyển khoản nộp các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn tháng 12.
21. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.
22. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).
23. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).
24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 23.650VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 23.850VNĐ/USD.
25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.
2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 6:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty SX Yên Vũ
- Trụ sở: KP3 Đường TL15, P. Thạnh Lộc, Quận 12, Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thiết bị tỏa nhiệt.
- Sản phẩm: Bàn ủi.

- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên, tính giá xuất kho hàng tồn kho theo phương pháp FIFO
 - + Tính giá xuất ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn
 - + Kế khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		340.000.000		
	1111	340.000.000		
112		1.090.700.000		
	1121	890.000.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	200.700.000		9.000USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		990.000.000		

	1311	230.000.000		Phải thu khách hàng - ngắn hạn
	1311_A	230.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/9/N, thời hạn nợ 10 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
	1312	760.000.000		Phải thu khách hàng - dài hạn
	1312_B	500.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/01/N-1, thời hạn nợ 15 tháng
	1312_C	260.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 16 tháng
152		400.000.000		
	152_TH	300.000.000		Số lượng: 20.000 kg thép
	152_DD	100.000.000		Số lượng 10.000m dây đốt nóng
153		3.000.000		
	1531_CC	3.000.000		Số lượng: 3 công cụ (mỗi công cụ 1.000.000đ)
154		1.500.000		
	154_BU	1.500.000		
155		600.000.000		
	1551	600.000.000		

	1551_BU	600.000.000		Số lượng: 4.000 cái bàn ủi
211		812.000.000		
	2112_LT	72.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 máy hủy giấy mỗi máy 36.000.000đ)
	2113_XT	740.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
214			528.481.481	
	2141_LT		42.000.000	Hao mòn lũy kế máy hủy giấy 2 năm 11 tháng
	2141_XT		486..481.481	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 11 tháng
331			642.000.000	
	3311		642.000.00	
	3311_X		260.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3311_Y		382.000.000	Công ty Y (nợ ngắn hạn)
341			200.000.000	Vay ngắn hạn ông A
	3411		200.000.000	
411			2.866.718.519	
	4111		2.866.718.519	
TỔNG		4.237.200.000	4.237.200.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N:

1. Ngày 01/12, bán bớt 1 máy hủy giấy đang dùng tại bộ phận quản lý doanh nghiệp

với giá bán chưa thuế GTGT 18.000.000đ, thuế GTGT 10%, công ty đã xuất hóa đơn GTGT số 0001237 và nhận được giấy báo Có của ngân hàng do khách hàng thanh toán tiền. Chi phí tân trang tài sản để bán là 825.000đ, trong đó thuế GTGT là 10% đã thanh toán bằng tiền mặt.

2. Ngày 02/12, xuất kho 2.000 cái bàn ủi gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 700.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).

3. Ngày 03/12, nhập khẩu 10.000kg thép, giá nhập khẩu là 9.000USD, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 22.050VNĐ/USD; 22.150VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng doanh nghiệp chưa thanh toán cho người bán K, thời hạn thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận hàng. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).

4. Ngày 05/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 1.500 cái bàn ủi, hoa hồng đại lý được hưởng là 5% trên tổng doanh thu chưa thuế, thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi căn trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có).

5. Ngày 06/12, mua 1 laptop Hp theo hóa đơn GTGT số 0001234, số tiền chưa thuế 52.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. Laptop được đưa vào sử dụng cùng ngày, dùng cho hoạt động bán hàng. Thời gian trích khấu hao 6 năm theo thuế và 5 năm theo kế toán.

6. Ngày 08/12, xuất khẩu 1.000 bàn ủi bán cho công ty D, giá bán 22 USD/cái, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 21.150VNĐ/USD; 21.250VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.500VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 5% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp thuế vào ngân sách nhà nước (đã có giấy báo của ngân hàng).

7. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay tháng 12 cho ông Nguyễn Văn A, biết rằng lãi suất vay cá nhân là 1,6%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 0,8%/tháng.

8. Ngày 13/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 180.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ).

- 9. Ngày 14/12**, mua nhập kho 5.000kg thép và 8.000m dây đốt nóng của công ty H, nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, số tiền chưa thuế 17.000đ/kg và 11.000đ/m, thuế suất thuế GTGT 10%, thanh toán trong vòng 45 ngày.
- 10. Ngày 15/12**, chuyển khoản thanh toán tiền điện, nước dùng ở phân xưởng sản xuất, số tiền chưa thuế 20.000.000đ, thuế GTGT 10% (đã nhận giấy báo Nợ ngân hàng).
- 11. Ngày 16/12**, xuất kho 25.000kg thép và 15.000m dây đốt nóng để sản xuất sản phẩm
- 12. Ngày 17/12**, mua 1 máy lạnh đưa ngay vào sử dụng ở BPQL, số tiền chưa thuế 15.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt, máy lạnh phân bổ 10 tháng, bắt đầu từ tháng này.
- 13. Ngày 19/12**, chuyển khoản thanh toán tiền mua lô hàng ngày 14/12, do thanh toán trước hạn nên được hưởng chiết khấu thanh toán 3% trên tổng giá trị đơn hàng.
- 14. Ngày 20/12**, thanh toán tiền đồng phục năm N cho 3 nhân viên QLDN số tiền 8.500.000đ/nhân viên (đã nhận giấy báo Nợ).
- 15. Ngày 25/12**, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 60.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 70.000.000đ, công nhân trực tiếp sản xuất 80.000.000đ, nhân viên phân xưởng 50.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.
- 16. Ngày 26/12**, tiền thuế TNCN tạm tính là 30.000.000đ
- 17. Ngày 27/12**, xuất kho 1.000 bàn ủi bán cho Công ty L, hóa đơn GTGT số 0001239, số tiền chưa thuế 500.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty L đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).
- 18. Ngày 27/12**, chi tiền mặt thanh toán phạt vi phạm chế độ thống kê là 12.000.000đ
- 19. Ngày 28/12**, kiểm kê kho phát hiện thiếu 1 công cụ, công ty xử lý bằng cách trừ lương nhân viên quản lý kho tháng này.
- 20. Ngày 31/12**, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)
- 21. Ngày 31/12**, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.
- 22. Ngày 31/12**, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).

23. Ngày 31/12, nhận báo cáo từ phân xưởng, số lượng thành phẩm hoàn thành nhập kho là 5.000TP. Thực hiện các bút toán kết chuyển chi phí tính giá thành sản phẩm (biết công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn, chi phí dở dang cuối kỳ 3.000.000đ)

24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 23.600VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 23.700VNĐ/USD.

25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.
2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 7:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty SX Hồng Danh
- Trụ sở: 38/15 Đường TL41, P.Thạnh Lộc, Quận 12, Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thiết bị tỏa nhiệt.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng)
- Sản phẩm: Bàn ủi.
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày

31/12 hàng năm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho hàng tồn kho theo phương pháp FIFO
 - + Tính giá xuất ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn
 - + Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		340.000.000		
	1111	340.000.000		
112		1.372.700.000		
	1121	1.174.250.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	198.450.000		9.000USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		830.000.000		
	1311	230.000.000		Phải thu khách hàng - ngắn hạn

	1311_A	230.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/9/N, thời hạn nợ 10 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
	1312	600.000.000		Phải thu khách hàng - dài hạn
	1312_B	320.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/01/N-1, thời hạn nợ 15 tháng
	1312_C	280.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 16 tháng
152		420.000.000		
	152_TH	320.000.000		Số lượng: 20.000 kg thép
	152_DD	100.000.000		Số lượng 10.000m dây đốt nóng
153		3.000.000		
	1531_CC	3.000.000		Số lượng: 3 công cụ (mỗi công cụ 1.000.000đ)
154		1.500.000		
	154_BU	1.500.000		
155		608.000.000		
	1551	608.000.000		
	1551_BU	608.000.000		Số lượng: 4.000 cái bàn ủi
211		812.000.000		

	2112_LT	72.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 máy hủy giấy mỗi máy 36.000.000đ)
	2113_XT	740.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
214			528.481.481	
	2141_LT		42.000.000	Hao mòn lũy kế máy hủy giấy 2 năm 11 tháng
	2141_XT		486.481.481	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 11 tháng
331			642.000.000	
	3311		642.000.00	
	3311_X		260.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3311_Y		382.000.000	Công ty Y (nợ ngắn hạn)
341			350.000.000	Vay ngắn hạn ông A
	3411		350.000.000	
411			2.866.718.519	
	4111		2.866.718.519	
TỔNG		4.387.200.000	4.387.200.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N:

1. Ngày 01/12, mua máy bán hàng tự động theo hóa đơn GTGT số 0001234, số tiền chưa thuế 130.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. Laptop được đưa vào sử dụng cùng ngày, dùng cho hoạt động bán hàng. Thời gian trích khấu hao 3 năm theo thuế và 4 năm theo kế toán.

- 2. Ngày 01/12**, bán bớt 1 máy hủy giấy đang dùng tại bộ phận quản lý doanh nghiệp với giá bán chưa thuế GTGT 18.000.000đ, thuế GTGT 10%, công ty đã xuất hóa đơn GTGT số 0001237 và nhận được giấy báo Có của ngân hàng do khách hàng thanh toán tiền. Chi phí tân trang tài sản để bán là 825.000đ, trong đó thuế GTGT là 10% đã thanh toán bằng tiền mặt.
- 3. Ngày 02/12**, xuất kho 2.000 cái bàn ủi gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 700.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).
- 4. Ngày 03/12**, nhập khẩu 10.000kg thép, giá nhập khẩu là 9.000USD, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 22.050VNĐ/USD; 22.150VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng doanh nghiệp chưa thanh toán cho người bán K, thời hạn thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận hàng. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).
- 5. Ngày 05/12**, nhận được thông báo đại lý đã bán được 1.500 cái bàn ủi, hoa hồng đại lý được hưởng là 5% trên tổng doanh thu chưa thuế, thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có).
- 6. Ngày 08/12**, xuất khẩu 1.000 bàn ủi bán cho công ty D, giá bán 22 USD/cái, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 21.150VNĐ/USD; 21.250VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.500VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 5% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp thuế vào ngân sách nhà nước (đã có giấy báo của ngân hàng).
- 7. Ngày 10/12**, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay tháng 12 cho ông Nguyễn Văn A, biết rằng lãi suất vay cá nhân là 2%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1,2%/tháng.
- 8. Ngày 13/12**, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 180.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ).
- 9. Ngày 14/12**, mua nhập kho 5.000kg thép và 8.000m dây đốt nóng của công ty H, nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, số tiền chưa thuế 17.000đ/kg và 11.000đ/m, thuế suất thuế GTGT 10%, thanh toán trong vòng 45 ngày.
- 10. Ngày 15/12**, chuyển khoản thanh toán tiền điện, nước dùng ở phân xưởng sản xuất, số tiền chưa thuế 20.000.000đ, thuế GTGT 10% (đã nhận giấy báo Nợ ngân hàng).

- 11. Ngày 16/12**, xuất kho 25.000kg thép và 15.000m dây đốt nóng để sản xuất sản phẩm
- 12. Ngày 17/12**, mua 1 máy lạnh đưa ngay vào sử dụng ở BPQL, số tiền chưa thuế 15.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt, máy lạnh phân bổ 10 tháng, bắt đầu từ tháng này.
- 13. Ngày 19/12**, chuyển khoản thanh toán tiền mua lô hàng ngày 14/12, do thanh toán trước hạn nên được hưởng chiết khấu thanh toán 3% trên tổng giá trị đơn hàng.
- 14. Ngày 20/12**, thanh toán tiền đồng phục năm N cho 3 nhân viên QLDN số tiền 8.500.000đ/nhân viên (đã nhận giấy báo Nợ).
- 15. Ngày 25/12**, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 60.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 70.000.000đ, công nhân trực tiếp sản xuất 80.000.000đ, nhân viên phân xưởng 50.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.
- 16. Ngày 26/12**, tiền thuế TNCN tạm tính là 30.000.000đ
- 17. Ngày 27/12**, xuất kho 1.000 bàn ủi bán cho Công ty L, hóa đơn GTGT số 0001239, số tiền chưa thuế 500.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty L đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).
- 18. Ngày 27/12**, chi tiền mặt thanh toán tiền chậm nộp thuế GTGT tháng 11 là 12.000.000đ
- 19. Ngày 28/12**, kiểm kê kho phát hiện thiếu 1 công cụ, công ty xử lý bằng cách trừ lương nhân viên quản lý kho tháng này.
- 20. Ngày 31/12**, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)
- 21. Ngày 31/12**, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.
- 22. Ngày 31/12**, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).
- 23. Ngày 31/12**, nhận báo cáo từ phân xưởng, số lượng thành phẩm hoàn thành nhập kho là 5.000TP. Thực hiện các bút toán kết chuyển chi phí tính giá thành sản phẩm (biết công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn, chi phí dở dang cuối kỳ 3.000.000đ)
- 24. Ngày 31/12**, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 21.200VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 21.400VNĐ/USD.
- 25. Ngày 31/12**, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.
2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 8:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty SX Gia Nghi
- Trụ sở: 33 Lê Văn Khương, P.4, Q.6, Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thiết bị tỏa nhiệt.
- Sản phẩm: Bàn ủi.
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên, tính giá xuất kho hàng tồn kho theo phương pháp FIFO
 - + Tính giá xuất ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn

+ Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

+ Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		340.000.000		
	1111	340.000.000		
112		1.371.450.000		
	1121	1.174.250.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	197.200.000		8.500USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		870.000.000		
	1311	330.000.000		Phải thu khách hàng - ngắn hạn
	1311_A	330.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/9/N, thời hạn nợ 10 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
	1312	540.000.000		Phải thu khách hàng - dài hạn

	1312_B	320.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/02/N-1, thời hạn nợ 15 tháng
	1312_C	220.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 16 tháng
152		404.000.000		
	152_TH	306.000.000		Số lượng: 18.000 kg thép
	152_DD	98.000.000		Số lượng 10.000m dây đốt nóng
153		6.000.000		
	1531_CC	6.000.000		Số lượng: 3 công cụ (mỗi công cụ 2.000.000đ)
154		1.500.000		
	154_BU	1.500.000		
155		624.000.000		
	1551	624.000.000		
	1551_BU	624.000.000		Số lượng: 4.000 cái bàn ủi
211		812.000.000		
	2112_LT	72.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 máy hủy giấy mỗi máy 36.000.000đ)
	2113_XT	740.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
214			528.481.481	

	2141_LT		42.000.000	Hao mòn lũy kế máy hủy giấy 2 năm 11 tháng
	2141_XT		486.481.481	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 11 tháng
331			380.000.000	
	3311		380.000.000	
	3311_X		260.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3311_Y		120.000.000	Công ty Y (nợ ngắn hạn)
341			400.000.000	Vay ngắn hạn ông A
	3411		400.000.000	
411			3.120.468.519	
	4111		3.120.468.519	
TỔNG		4.428.950.000	4.428.950.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N:

1. Ngày 01/12, mua máy bán hàng tự động theo hóa đơn GTGT số 0001234, số tiền chưa thuế 130.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. Laptop được đưa vào sử dụng cùng ngày, dùng cho hoạt động bán hàng. Thời gian trích khấu hao 4 năm theo thuế và 5 năm theo kế toán.

2. Ngày 01/12, bán bớt 1 máy hủy giấy đang dùng tại bộ phận quản lý doanh nghiệp với giá bán chưa thuế GTGT 18.000.000đ, thuế GTGT 10%, công ty đã xuất hóa đơn GTGT số 0001237 và nhận được giấy báo Có của ngân hàng do khách hàng thanh toán tiền. Chi phí tân trang tài sản để bán là 825.000đ, trong đó thuế GTGT là 10% đã thanh toán bằng tiền mặt.

3. Ngày 02/12, xuất kho 2.000 cái bàn ủi gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 700.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).

4. Ngày 03/12, nhập khẩu 10.000kg thép, giá nhập khẩu là 9.000USD, tỷ giá GTGT

mua, bán lần lượt là: 22.050VNĐ/USD; 22.150VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng doanh nghiệp chưa thanh toán cho người bán K, thời hạn thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận hàng. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).

5. Ngày 05/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 1.500 cái bàn ủi, hoa hồng đại lý được hưởng là 5% trên tổng doanh thu chưa thuế, thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi căn trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có).

6. Ngày 08/12, xuất khẩu 1.000 bàn ủi bán cho công ty D, giá bán 22 USD/cái, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 21.150VNĐ/USD; 21.250VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.500VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 5% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp thuế vào ngân sách nhà nước (đã có giấy báo của ngân hàng).

7. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay tháng 12 cho ông Nguyễn Văn A, biết rằng lãi suất vay cá nhân là 2%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1,2%/tháng.

8. Ngày 13/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 180.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ). **Ngày 14/12**, mua nhập kho 5.000kg thép và 8.000m dây đốt nóng của công ty H, nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, số tiền chưa thuế 17.000đ/kg và 11.000đ/m, thuế suất thuế GTGT 10%, thanh toán trong vòng 45 ngày.

9. Ngày 15/12, chuyển khoản thanh toán tiền điện, nước dùng ở phân xưởng sản xuất, số tiền chưa thuế 20.000.000đ, thuế GTGT 10% (đã nhận giấy báo Nợ ngân hàng).

10. Ngày 16/12, xuất kho 25.000kg thép và 15.000m dây đốt nóng để sản xuất sản phẩm

11. Ngày 17/12, mua 1 máy lạnh đưa ngay vào sử dụng ở BPQL, số tiền chưa thuế 15.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt, máy lạnh phân bổ 10 tháng, bắt đầu từ tháng này.

12. Ngày 19/12, chuyển khoản thanh toán tiền mua lô hàng ngày 14/12, do thanh toán

trước hạn nên được hưởng chiết khấu thanh toán 3% trên tổng giá trị đơn hàng.

13. Ngày 20/12, thanh toán tiền đồng phục năm N cho 3 nhân viên QLDN số tiền 5.000.000đ/nhân viên (đã nhận giấy báo Nợ).

14. Ngày 25/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 60.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 70.000.000đ, công nhân trực tiếp sản xuất 80.000.000đ, nhân viên phân xưởng 50.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.

15. Ngày 26/12, chuyển khoản thanh toán tiền cho người bán K mua ngày 3/12

16. Ngày 27/12, xuất kho 1.000 bàn ủi bán cho Công ty L, hóa đơn GTGT số 0001239, số tiền chưa thuế 500.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty L đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).

17. Ngày 27/12, chi tiền mặt thanh toán chi phí vận chuyển hàng đi bán theo hóa đơn GTGT số 3468 giá chưa thuế 19.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%

18. Ngày 28/12, kiểm kê kho phát hiện thiếu 1 công cụ, công ty xử lý bằng cách trừ lương nhân viên quản lý kho tháng này.

19. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)

20. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.

21. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).

22. Ngày 31/12, nhận báo cáo từ phân xưởng, số lượng thành phẩm hoàn thành nhập kho là 5.000TP. Thực hiện các bút toán kết chuyển chi phí tính giá thành sản phẩm (biết công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn, chi phí dở dang cuối kỳ 3.000.000đ)

23. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 23.300VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 23.400VNĐ/USD.

24. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.

2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 9:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Công ty TNHH TM DV Hạnh Khôi, MST: 0334505779
- Địa chỉ: 37 Tân Kỳ, P.3, Quận Tân Phú, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh chính: Linh kiện điện tử
- Sản phẩm: Bàn phím, thẻ nhớ và màn hình LCD
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho hàng tồn kho theo phương pháp FIFO
 - + Tính giá xuất ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn
 - + Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II.2. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY**II.1. Số dư tại ngày 01/12/N**

Tài khoản		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		400.000.000		
	1111	400.000.000		
112		1.025.000.000		
	1121	800.000.000		Ngân hàng Á Châu
	1122	225.000.000		10.000USD, mở tại ngân hàng Á Châu
131		970.000.000		
1311		720.000.000		Phải thu khách hàng - Ngắn hạn
	1311_A	300.000.000		Công ty A, ngày phát sinh 01/01/N-1, thời hạn nợ 12 tháng
	1311_B	420.000.000		Công ty B, ngày phát sinh 01/10/N-1, thời hạn nợ 18 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
1312		250.000.000		Phải thu khách hàng - Dài hạn

	1312_C	250.000.000		Công ty C, ngày phát sinh 15/9/N, thời hạn nợ 24 tháng
153		9.000.000		
	1531_CC	9.000.000		Số lượng: 6 công cụ (mỗi công cụ 1.500.000)
156		970.000.000		
	1561_BP	720.000.000		Số lượng: 4.000 cái bàn phím
	1561_TN	250.000.000		Số lượng: 5.000 cái thẻ nhớ
	1561_LC			Màn hình LCD
211		708.000.000		
	2112_LT	60.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 laptop Asus mỗi máy 30.000.000)
	2113_XT	648.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPHH (1 xe tải nhỏ)
214			473.000.000	
	2141_LT		47.000.000	Hao mòn lũy kế laptop 3 năm 11 tháng
	2141_XT		426.000.000	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 11 tháng
331			670.000.000	
	3311_X		250.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3312_Y		420.000.000	Công ty Y (nợ dài hạn)

341			250.000.000	
	3411		250.000.000	Vay ngắn hạn ông Nguyễn Văn Minh
411			2.689.000.000	
	41111		2.689.000.000	
TỔNG		4.082.000.000	4.082.000.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N.

- Ngày 01/12**, mua 1 laptop Dell theo hóa đơn GTGT số 0001567, giá mua chưa thuế 50.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. Laptop được đưa vào sử dụng ngay tại bộ phận bán hàng. Thời gian trích khấu hao theo kế toán 4 năm, theo thuế là 5 năm.
- Ngày 02/12**, xuất kho 400 bàn phím gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 500.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).
- Ngày 03/12**, nhập khẩu màn hình LCD, số lượng 200 cái, giá nhập khẩu là 8.000USD, thuế nhập khẩu phải nộp là 5%, thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%, doanh nghiệp đã chuyển khoản thanh toán ngay cho người bán và đã chuyển khoản tiền VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ). Biết rằng tỷ giá GDTT mua 21.050VNĐ/USD, bán 21.150VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.100VNĐ/USD.
- Ngày 05/12**, nhận được thông báo đại lý đã bán được 300 bàn phím, hoa hồng đại lý được hưởng là 5% trên tổng trị giá bán chưa thuế do đại lý bán được, thuế suất thuế GTGT của hoa hồng là 10%, công ty đã nhận được hóa đơn hoa hồng do đại lý gửi.
- Ngày 06/12**, xuất khẩu 1.000 thẻ nhớ bán cho công ty P, giá bán 9USD/cái, tỷ giá giao dịch thực tế mua 22.820VNĐ/USD, bán 22.920VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.100VNĐ/USD, thuế xuất khẩu 15%, thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%, khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Công ty đã chuyển khoản tiền VNĐ nộp thuế XK (đã có giấy báo của ngân hàng).

- 6. Ngày 10/12**, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay cho ông Nguyễn Văn Minh: biết rằng số tiền vay dùng riêng cho hoạt động kinh doanh, lãi suất vay cá nhân là 2,2%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1,5%/tháng).
- 7. Ngày 13/12**, mua về nhập kho 10.000 bàn phím và 10.000 thẻ nhớ của công ty X, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001367, giá chưa thuế 120.000đ/bàn phím và 50.000đ/thẻ nhớ, thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán. Tiền hàng thanh toán trong vòng 12 tháng.
- 8. Ngày 15/12**, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 70.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng).
- 9. Ngày 18/12**, xuất kho 9.000 bàn phím bán cho công ty C, hóa đơn GTGT số 0002438, số tiền chưa thuế 600.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).
- 10. Ngày 19/12**, mua nhập kho 3.000 thẻ nhớ và 100 màn hình LCD của công ty Y, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001401, giá mua chưa thuế là 60.000đ/thẻ nhớ và 1.200.000đ/màn hình LCD, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng (đã nhận giấy báo Nợ).
- 11. Ngày 20/12**, xuất kho 8.000 thẻ nhớ bán cho Công ty A, hóa đơn GTGT số 0002239, giá bán chưa thuế 250.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty A đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).
- 12. Ngày 22/12**, nhận được hóa đơn tiền điện số 0006789, dùng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp, số tiền chưa thuế 5.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.
- 13. Ngày 23/12**, nhận giấy báo Nợ của ngân hàng về việc chuyển tiền thanh toán cho Công ty X, số tiền 50.000.000đ.
- 14. Ngày 24/12**, chi tạm ứng bằng tiền mặt 1.000.000đ cho nhân viên A đi công tác.
- 15. Ngày 26/12**, nhận được giấy báo Có của ngân hàng, số tiền 20.000.000đ do công ty D ứng tiền mua hàng.
- 16. Ngày 28/12**, chi tiền đồng phục cho 3 nhân viên bộ phận bán hàng và 3 nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp trong năm N, số tiền 6.000.000đ/1 nhân viên.
- 17. Ngày 30/12**, lô hàng bán ngày 18/12 có 10 bàn phím bị lỗi nên công ty C đã trả lại, DN đã nhập kho, giá vốn hàng lỗi là 100.000đ/cái, hóa đơn GTGT số 0001235, đã chuyển khoản cho khách hàng (đã nhận giấy báo Có).

18. Ngày 30/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 50.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 100.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.

19. Ngày 30/12, chi tiền mặt thanh toán chi phí vận chuyển hàng đi bán theo hóa đơn GTGT số 456 ngày 03/12 với tổng số tiền là 22.000.000đ, trong đó thuế GTGT 10%.

20. Ngày 31/12, chi tiền mặt nộp các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn tháng 12.

21. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.

22. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).

23. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).

24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 23.100VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 23.200VNĐ/USD.

25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.

2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N

4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.

5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 10:

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

– Công ty TNHH TM DV Hạnh Khôi, MST: 0334505779

- Địa chỉ: 37 Tân Kỳ, P.3, Quận Tân Phú, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh chính: Linh kiện điện tử
- Sản phẩm: Bàn phím, thẻ nhớ và màn hình LCD
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền cuối kỳ
 - + Tính giá xuất ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn
 - + Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

I. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

Tài khoản		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		400.000.000		
	1111	400.000.000		
112		1.026.000.000		
	1121	800.000.000		Ngân hàng Á Châu

	1122	226.000.000		10.000USD, mở tại ngân hàng Á Châu
131		900.000.000		
1311		670.000.000		Phải thu khách hàng - Ngắn hạn
	1311_A	350.000.000		Công ty A, ngày phát sinh 01/01/N-1, thời hạn nợ 12 tháng
	1311_B	320.000.000		Công ty B, ngày phát sinh 01/10/N-1, thời hạn nợ 18 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
1312		230.000.000		Phải thu khách hàng - Dài hạn
	1312_C	230.000.000		Công ty C, ngày phát sinh 15/9/N, thời hạn nợ 24 tháng
153		9.000.000		
	1531_CC	9.000.000		Số lượng: 6 công cụ (mỗi công cụ 1.500.000)
156		1.620.000.000		
	1561_BP	1.120.000.000		Số lượng: 4.000 cái bàn phím
	1561_TN	500.000.000		Số lượng: 5.000 cái thẻ nhớ
	1561_LC			Màn hình LCD
211		708.000.000		

	2112_LT	60.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 laptop Asus mỗi máy 30.000.000)
	2113_XT	648.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
214			473.000.000	
	2141_LT		47.000.000	Hao mòn lũy kế laptop 3 năm 11 tháng
	2141_XT		426.000.000	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 11 tháng
331			670.000.000	
	3311_X		250.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3312_Y		420.000.000	Công ty Y (nợ dài hạn)
341			250.000.000	
	3411		250.000.000	Vay ngắn hạn ông Nguyễn Văn Minh
411			3.270.000.000	
	41111		3.270.000.000	
TỔNG		4.663.000.000	4.663.000.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N.

1. Ngày 01/12, mua 1 máy tính tiền theo hóa đơn GTGT số 0001567, giá mua chưa thuế 150.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. Laptop được đưa vào sử dụng ngay tại bộ phận bán hàng. Thời gian trích khấu hao theo kế toán 4 năm, theo thuế là 5 năm.

- 2. Ngày 02/12**, xuất kho 400 bàn phím gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 500.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).
- 3. Ngày 03/12**, nhập khẩu màn hình LCD, số lượng 200 cái, giá nhập khẩu là 8.000USD, thuế nhập khẩu phải nộp là 5%, thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%, doanh nghiệp đã chuyển khoản thanh toán ngay cho người bán và đã chuyển khoản tiền VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ). Biết rằng tỷ giá GDTT mua 21.050VNĐ/USD, bán 21.150VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.100VNĐ/USD.
- 4. Ngày 05/12**, nhận được thông báo đại lý đã bán được 300 bàn phím, hoa hồng đại lý được hưởng là 5% trên tổng trị giá bán chưa thuế do đại lý bán được, thuế suất thuế GTGT của hoa hồng là 10%, công ty đã nhận được hóa đơn hoa hồng do đại lý gửi.
- 5. Ngày 06/12**, xuất khẩu 1.000 thẻ nhớ bán cho công ty P, giá bán 9USD/cái, tỷ giá giao dịch thực tế mua 22.820VNĐ/USD, bán 22.920VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.100VNĐ/USD, thuế xuất khẩu 15%, thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%, khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Công ty đã chuyển khoản tiền VNĐ nộp thuế XK (đã có giấy báo của ngân hàng).
- 6. Ngày 10/12**, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay cho ông Nguyễn Văn Minh: biết rằng số tiền vay dùng riêng cho hoạt động kinh doanh, lãi suất vay cá nhân là 2,2%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1,5%/tháng).
- 7. Ngày 13/12**, mua về nhập kho 10.000 bàn phím và 10.000 thẻ nhớ của công ty X, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001367, giá chưa thuế 120.000đ/bàn phím và 50.000đ/thẻ nhớ, thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán. Tiền hàng thanh toán trong vòng 12 tháng.
- 8. Ngày 15/12**, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 70.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng).
- 9. Ngày 18/12**, xuất kho 9.000 bàn phím bán cho công ty C, hóa đơn GTGT số 0002438, số tiền chưa thuế 600.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).
- 10. Ngày 19/12**, mua nhập kho 3.000 thẻ nhớ và 100 màn hình LCD của công ty Y, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001401, giá mua chưa thuế là 60.000đ/thẻ nhớ và 1.200.000đ/màn hình LCD, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng (đã nhận giấy báo Nợ).

- 11. Ngày 20/12**, xuất kho 8.000 thẻ nhớ bán cho Công ty A, hóa đơn GTGT số 0002239, giá bán chưa thuế 250.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty A đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).
- 12. Ngày 22/12**, nhận được hóa đơn tiền điện số 0006789, dùng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp, số tiền chưa thuế 5.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.
- 13. Ngày 23/12**, nhận giấy báo Nợ của ngân hàng về việc chuyển tiền thanh toán cho Công ty X, số tiền 50.000.000đ.
- 14. Ngày 24/12**, chi tạm ứng bằng tiền mặt 1.000.000đ cho nhân viên A đi công tác.
- 15. Ngày 26/12**, nhận được giấy báo Có của ngân hàng, số tiền 20.000.000đ do công ty D ứng tiền mua hàng.
- 16. Ngày 28/12**, chi tiền đồng phục cho 3 nhân viên bộ phận bán hàng và 3 nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp trong năm N, số tiền 6.000.000đ/1 nhân viên.
- 17. Ngày 30/12**, lô hàng bán ngày 18/12 có 10 bàn phím bị lỗi nên công ty C đã trả lại, DN đã nhập kho, giá vốn hàng lỗi là 100.000đ/cái, hóa đơn GTGT số 0001235, đã chuyển khoản cho khách hàng (đã nhận giấy báo Có).
- 18. Ngày 30/12**, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 50.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 100.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.
- 19. Ngày 30/12**, chi tiền mặt thanh toán chi phí vận chuyển hàng đi bán theo hóa đơn GTGT số 456 ngày 03/12 với tổng số tiền là 22.000.000đ, trong đó thuế GTGT 10%.
- 20. Ngày 31/12**, chi tiền mặt nộp các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn tháng 12.
- 21. Ngày 31/12**, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.
- 22. Ngày 31/12**, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).
- 23. Ngày 31/12**, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).
- 24. Ngày 31/12**, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 21.300VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 21.600VNĐ/USD.
- 25. Ngày 31/12**, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.
2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 11:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty TNHH TM Kinh Anh
- Trụ sở: 100 Kinh Dương Vương, P.6, Quận 5, Tp.HCM
- Công ty TNHH TM Kinh Anh được thành lập theo giấy phép đầu tư số 38/GP-HCM, ngày 23/8/2014.
- Vốn điều lệ của công ty: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Mỹ phẩm
- Sản phẩm: Sữa rửa mặt và nước tẩy trang.
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá

xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền cuối kỳ

+ Tính giá xuất ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn

+ Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

+ Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		283.000.000		
	1111	283.000.000		
112		1.495.500.000		
	1121	1.300.000.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	195.500.000		8.500USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		1.013.000.000		
	1311	474.000.000		Phải thu khách hàng - Ngắn hạn
	1311_B	474.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 6 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
	1312	539.000.000		Phải thu khách hàng - Dài hạn

	1312_A	320.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/01/N-2, thời hạn nợ 24 tháng
	1312_C	219.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/03/N, thời hạn nợ 24 tháng
153		4.100.000		
	1531_CC	4.100.000		Số lượng: 5 công cụ (mỗi công cụ 820.000đ)
156		888.000.000		
	1561_A	612.000.000		Số lượng: 5.100 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A
	1561_B	276.000.000		Số lượng: 4.600 chai sữa rửa mặt nhãn hàng B
	1561_C			Nước tẩy trang
211		903.000.000		
	2113_XT	841.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
	2114_LT	62.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 máy tính mỗi máy 31.000.000đ)
214			531.362.962	
	2141_XT		482.796.296	Hao mòn lũy kế 5 năm 2 tháng của xe tải
	2141_BA		48.566.666	Hao mòn lũy kế 3 năm 11 tháng của 2 máy tính

331			703.000.000	
	3311		340.000.000	
	3311_X		340.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3312		363.000.000	
	3312_Y		363.000.000	Công ty Y (nợ dài hạn)
338			2.000.000	
	3383		2.000.000	Ngắn hạn (BHXH chưa thanh toán)
341			300.000.000	Vay ngắn hạn ông Nguyễn Văn Nam
	3411		300.000.000	
411			3.050.237.038	
	4111		3.050.237.038	
TỔNG		4.586.600.000	4.586.600.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty năm N.

1. Ngày 01/12, mua 1 máy điều hòa theo hóa đơn GTGT số 0001234, số tiền chưa thuế 60.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. TS được đưa vào sử dụng cùng ngày, dùng cho hoạt động bán hàng. Thời gian trích khấu hao 7 năm theo thuế và 6 năm theo kế toán.

2. Ngày 03/12, nhập khẩu nước tẩy trang từ công ty AH, số lượng 800 chai, giá nhập khẩu là 10,3 Usd/chai, tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.250VNĐ/USD; 22.350VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 23.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng thanh toán trong vòng 45 ngày. Công ty đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).

3. Ngày 04/12, xuất kho 500 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 400.000đ/chai, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán

được hàng).

4. Ngày 05/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay cho ông Nguyễn Văn Nam. Biết rằng số tiền đi vay dùng cho hoạt động kinh doanh, lãi suất vay cá nhân là 1,9%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1,2%/tháng.

5. Ngày 06/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 450 sữa rửa mặt nhãn hàng A, hoa hồng đại lý được hưởng là 3% trên tổng giá trị đơn hàng đại lý bán được, thuế suất thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi căn trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản thanh toán hết tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có ngân hàng).

6. Ngày 07/12, mua về nhập kho 9.000 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A và 8.500 chai sữa rửa mặt nhãn hàng B của công ty XY, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, giá mua chưa thuế 150.000đ/chai sữa rửa mặt nhãn hàng A và 65.000đ/chai sữa rửa mặt nhãn hàng B, thuế suất thuế GTGT 10%, tiền hàng thanh toán trong vòng 45 ngày.

7. Ngày 08/12, xuất khẩu 820 sữa rửa mặt nhãn hàng A bán cho công ty BNZ, giá bán 10USD/chai, tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.250VNĐ/USD; 22.350VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 23.200VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 15% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản (đã có giấy báo Có), doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ thanh toán tiền thuế xuất khẩu (đã nhận giấy báo của ngân hàng).

8. Ngày 10/12, bán bớt 1 máy vi tính đang dùng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp thu ngay bằng tiền mặt với giá bán đã bao gồm thuế GTGT là 11.000.000đ, thuế GTGT 10%. Chi phí tân trang tài sản trước khi bán là chưa thuế GTGT 500.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

9. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 80.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ).

10. Ngày 11/12, công ty chuyển khoản thanh toán phí do vi phạm hành chính về lĩnh vực môi trường là 8.000.000đ (đã nhận giấy báo của ngân hàng).

11. Ngày 12/12, công ty chuyển tiền gửi ngân hàng thanh toán phí thuê mặt bằng bán hàng trong vòng 1 năm bắt đầu tính từ 01/12/N đến 30/11/N+1, số tiền chưa thuế 120.000.000đ, thuế GTGT 10%, phân bổ trong 12 tháng (đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng).

12. Ngày 15/12, xuất kho 8.000 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A bán cho Công ty LM,

hóa đơn GTGT số 0001239, số tiền chưa thuế 300.000đ/chai, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty LM đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).

13. Ngày 18/12, công ty C hoàn thành việc bảo trì tài sản cố định đang dùng tại BPBH. Công ty đã nhận được hóa đơn yêu cầu thanh toán phí bảo trì với số tiền chưa thuế 5.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thời gian thanh toán trong vòng 45 ngày.

14. Ngày 20/12, xuất kho 1 công cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên TSCĐ (tài sản dùng ở BPBH).

15. Ngày 23/12, công ty chuyển tiền gửi ngân hàng thanh toán tiền mua hàng ngày 03/12 cho công ty AH, phí ngân hàng khi thanh toán là 20USD. Tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.350VNĐ/USD; 22.450VNĐ/USD.

16. Ngày 25/12, công ty LM báo lô hàng mua ngày 15/12 bị lỗi, đã gửi biên bản đề nghị giảm giá 2% trên giá mua chưa thuế, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty đã đồng ý xuất hóa đơn giảm giá và chuyển khoản thanh toán lại công ty LM.

17. Ngày 28/12, khách hàng K chuyển khoản 50.000.000đ ứng trước tiền mua hàng tháng sau (công ty đã nhận được Giấy báo có ngân hàng)

18. Ngày 30/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 60.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 80.000.000đ. Kế toán ghi nhận lương phải trả và trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.

19. Ngày 31/12, chuyển khoản nộp các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn còn nợ

20. Ngày 31/12, tiền thuế TNCN tạm tính của nhân viên là 30.000.000đ.

21. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)

22. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.

23. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).

24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 23.600VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 23.700VNĐ/USD.

25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.
2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 12:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty TNHH TM Gia Huy
- Trụ sở: 90 Lạc Long Quân, P.10, Quận 11, Tp.HCM
- Công ty TNHH TM Gia Huy được thành lập theo giấy phép đầu tư số 68/GP-HCM, ngày 23/8/2017.
- Vốn điều lệ của Công ty: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Mỹ phẩm
- Sản phẩm: Sữa rửa mặt và nước tẩy trang.
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá

xuất kho theo phương pháp FIFO

+ Tính giá xuất ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn

+ Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

+ Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		283.000.000		
	1111	283.000.000		
112		1.476.000.000		
	1121	1.300.000.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	176.000.000		8.000USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		830.000.000		
	1311	300.000.000		Phải thu khách hàng - Ngắn hạn
	1311_B	300.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 6 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
	1312	530.000.000		Phải thu khách hàng - Dài hạn

	1312_A	330.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/01/N-2, thời hạn nợ 24 tháng
	1312_C	200.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/03/N, thời hạn nợ 24 tháng
153		5.000.000		
	1531_CC	5.000.000		Số lượng: 5 công cụ (mỗi công cụ 1.000.000đ)
156		1.042.500.000		
	1561_A	750.000.000		Số lượng: 5.000 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A
	1561_B	292.500.000		Số lượng: 4.500 chai sữa rửa mặt nhãn hàng B
	1561_C			Nước tẩy trang
211		903.000.000		
	2113_XT	841.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
	2114_LT	62.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 máy tính mỗi máy 31.000.000đ)
214			531.362.962	
	2141_XT		482.796.296	Hao mòn lũy kế 5 năm 2 tháng của xe tải
	2141_BA		48.566.666	Hao mòn lũy kế 3 năm 11 tháng của 2 máy tính

331			422.000.000	
	3311		22.000.000	
	3311_X		22.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3312		400.000.000	
	3312_Y		400.000.000	Công ty Y (nợ dài hạn)
338			3.000.000	
	3383		3.000.000	Ngắn hạn (BHXH chưa thanh toán)
341			320.000.000	Vay ngắn hạn ông Nguyễn Văn Nam
	3411		320.000.000	
411			3.263.137.038	
	4111		3.263.137.038	
TỔNG		4.539.500.000	4.539.500.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty năm N.

- Ngày 01/12, mua 1 máy điều hòa theo hóa đơn GTGT số 0001234, số tiền chưa thuế 60.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. TS được đưa vào sử dụng cùng ngày, dùng cho hoạt động bán hàng. Thời gian trích khấu hao 3 năm theo thuế và 4 năm theo kế toán.
- Ngày 03/12, nhập khẩu nước tẩy trang từ công ty AH, số lượng 800 chai, giá nhập khẩu là 10,3 Usd/chai, tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.250VNĐ/USD; 22.350VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 23.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng thanh toán trong vòng 45 ngày. Công ty đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).
- Ngày 04/12, xuất kho 500 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 400.000đ/chai, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán

được hàng).

4. Ngày 05/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay cho ông Nguyễn Văn Nam. Biết rằng số tiền đi vay dùng cho hoạt động kinh doanh, lãi suất vay cá nhân là 2%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1,2%/tháng.

5. Ngày 06/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 450 sữa rửa mặt nhãn hàng A, hoa hồng đại lý được hưởng là 3% trên tổng giá trị đơn hàng đại lý bán được, thuế suất thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản thanh toán hết tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có ngân hàng).

6. Ngày 07/12, mua về nhập kho 9.000 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A và 8.500 chai sữa rửa mặt nhãn hàng B của công ty XY, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, giá mua chưa thuế 150.000đ/chai sữa rửa mặt nhãn hàng A và 65.000đ/chai sữa rửa mặt nhãn hàng B, thuế suất thuế GTGT 10%, tiền hàng thanh toán trong vòng 45 ngày.

7. Ngày 08/12, xuất khẩu 820 sữa rửa mặt nhãn hàng A bán cho công ty BNZ, giá bán 10USD/chai, tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.250VNĐ/USD; 22.350VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 23.200VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 15% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản (đã có giấy báo Có), doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ thanh toán tiền thuế xuất khẩu (đã nhận giấy báo của ngân hàng).

8. Ngày 10/12, bán bớt 1 máy vi tính đang dùng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp thu ngay bằng tiền mặt với giá bán đã bao gồm thuế GTGT là 11.000.000đ, thuế GTGT 10%. Chi phí tân trang tài sản trước khi bán là chưa thuế GTGT 500.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

9. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 80.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ).

10. Ngày 11/12, công ty chi tiền mặt thanh toán hóa đơn GTGT số 1234 ngày 3/11/N tiền vận chuyển hàng đi bán còn nợ công ty X tháng trước. Biết rằng số tiền còn nợ đã bao gồm 10% tiền thuế GTGT.

11. Ngày 12/12, công ty chuyển tiền gửi ngân hàng thanh toán phí thuê mặt bằng bán hàng trong vòng 1 năm bắt đầu tính từ 01/12/N đến 30/11/N+1, số tiền chưa thuế 120.000.000đ, thuế GTGT 10%, phân bổ trong 12 tháng (đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng).

12. Ngày 15/12, xuất kho 8.000 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A bán cho Công ty LM,

hóa đơn GTGT số 0001239, số tiền chưa thuế 300.000đ/chai, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty LM đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).

13. Ngày 18/12, công ty C hoàn thành việc bảo trì tài sản cố định đang dùng tại BPBH. Công ty đã nhận được hóa đơn yêu cầu thanh toán phí bảo trì với số tiền chưa thuế 5.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thời gian thanh toán trong vòng 45 ngày.

14. Ngày 20/12, xuất kho 1 công cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên TSCĐ (tài sản dùng ở BPBH).

15. Ngày 23/12, công ty chuyển tiền gửi ngân hàng thanh toán tiền mua hàng ngày 03/12 cho công ty AH, phí ngân hàng khi thanh toán là 20USD. Tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.350VNĐ/USD; 22.450VNĐ/USD.

16. Ngày 25/12, công ty LM báo lô hàng mua ngày 15/12 bị lỗi, đã gửi biên bản đề nghị giảm giá 2% trên giá mua chưa thuế, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty đã đồng ý xuất hóa đơn giảm giá và chuyển khoản thanh toán lại công ty LM.

17. Ngày 28/12, khách hàng K chuyển khoản 50.000.000đ ứng trước tiền mua hàng tháng sau (công ty đã nhận được Giấy báo có ngân hàng)

18. Ngày 30/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 80.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 100.000.000đ. Kế toán ghi nhận lương phải trả và trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.

19. Ngày 31/12, chuyển khoản nộp các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn còn nợ

20. Ngày 31/12, tiền thuế TNCN tạm tính của nhân viên là 30.000.000đ.

21. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)

22. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.

23. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).

24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 23.000VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 23.300VNĐ/USD.

25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.
2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 13:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty TNHH TM Huy Hoàng
- Trụ sở: 100 Kinh Dương Vương, P.5, Q.6, Tp.HCM
- Công ty TNHH TM Huy Hoàng được thành lập theo giấy phép đầu tư số 54/GP-HCM, ngày 23/8/2017.
- Vốn điều lệ của công ty: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Mỹ phẩm
- Sản phẩm: Sữa rửa mặt và nước tẩy trang.
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá

xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn

+ Tính giá xuất ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền liên hoàn

+ Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

+ Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		283.000.000		
	1111	283.000.000		
112		1.485.600.000		
	1121	1.300.000.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	185.600.000		8.000USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		900.000.000		
	1311	500.000.000		Phải thu khách hàng - Ngắn hạn
	1311_B	500.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 6 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
	1312	400.000.000		Phải thu khách hàng - Dài hạn

	1312_A	180.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/01/N-2, thời hạn nợ 24 tháng
	1312_C	220.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/03/N, thời hạn nợ 24 tháng
153		6.000.000		
	1531_CC	6.000.000		Số lượng: 5 công cụ
156		1.072.600.000		
	1561_A	775.000.000		Số lượng: 5.000 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A
	1561_B	297.600.000		Số lượng: 4.800 chai sữa rửa mặt nhãn hàng B
	1561_C			Nước tẩy trang
211		903.000.000		
	2113_XT	841.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
	2114_LT	62.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 máy tính mỗi máy 31.000.000đ)
214			531.362.962	
	2141_XT		482.796.296	Hao mòn lũy kế 5 năm 2 tháng của xe tải
	2141_BA		48.566.666	Hao mòn lũy kế 3 năm 11 tháng của 2 máy tính

331			422.000.000	
	3311		22.000.000	
	3311_X		22.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3312		400.000.000	
	3312_Y		400.000.000	Công ty Y (nợ dài hạn)
338			3.000.000	
	3383		3.000.000	Ngắn hạn (BHXH chưa thanh toán)
341			380.000.000	Vay ngắn hạn ông Nguyễn Văn Nam
	3411		380.000.000	
411			3.313.837.038	
	4111		3.313.837.038	
TỔNG		4.650.200.000	4.650.200.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty năm N.

- Ngày 01/12, mua 1 máy bán hàng theo hóa đơn GTGT số 0003234, số tiền chưa thuế 150.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. TS được đưa vào sử dụng cùng ngày, dùng cho hoạt động bán hàng. Thời gian trích khấu hao 5 năm theo thuế và 3 năm theo kế toán.
- Ngày 03/12, nhập khẩu nước tẩy trang từ công ty AH, số lượng 800 chai, giá nhập khẩu là 10,3 Usd/chai, tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.250VNĐ/USD; 22.350VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 23.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng thanh toán trong vòng 45 ngày. Công ty đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).
- Ngày 04/12, xuất kho 500 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A gửi đại lý bán đúng giá

hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 400.000đ/chai, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).

4. Ngày 05/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay cho ông Nguyễn Văn Nam. Biết rằng số tiền đi vay dùng cho hoạt động kinh doanh, lãi suất vay cá nhân là 1,8%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1,2%/tháng.

5. Ngày 06/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 450 sữa rửa mặt nhãn hàng A, hoa hồng đại lý được hưởng là 3% trên tổng giá trị đơn hàng đại lý bán được, thuế suất thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản thanh toán hết tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có ngân hàng).

6. Ngày 07/12, mua về nhập kho 9.000 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A và 8.500 chai sữa rửa mặt nhãn hàng B của công ty XY, đã nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, giá mua chưa thuế 150.000đ/chai sữa rửa mặt nhãn hàng A và 65.000đ/chai sữa rửa mặt nhãn hàng B, thuế suất thuế GTGT 10%, tiền hàng thanh toán trong vòng 45 ngày.

7. Ngày 08/12, xuất khẩu 820 sữa rửa mặt nhãn hàng A bán cho công ty BNZ, giá bán 10USD/chai, tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.250VNĐ/USD; 22.350VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 23.200VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 15% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản (đã có giấy báo Có), doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ thanh toán tiền thuế xuất khẩu (đã nhận giấy báo của ngân hàng).

8. Ngày 10/12, bán bớt 1 máy vi tính đang dùng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp thu ngay bằng tiền mặt với giá bán đã bao gồm thuế GTGT là 11.000.000đ, thuế GTGT 10%. Chi phí tân trang tài sản trước khi bán là chưa thuế GTGT 500.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

9. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 80.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ).

10. Ngày 11/12, công ty chi tiền mặt thanh toán hóa đơn GTGT số 1234 ngày 3/11/N tiền vận chuyển hàng đi bán còn nợ công ty X tháng trước. Biết rằng số tiền còn nợ đã bao gồm 10% tiền thuế GTGT.

11. Ngày 12/12, công ty chuyển tiền gửi ngân hàng thanh toán phí thuê mặt bằng bán hàng trong vòng 1 năm bắt đầu tính từ 01/12/N đến 30/11/N+1, số tiền chưa thuế 120.000.000đ, thuế GTGT 10%, phân bổ trong 12 tháng (đã nhận giấy báo Nợ của ngân

hàng).

12. Ngày 15/12, xuất kho 8.000 chai sữa rửa mặt nhãn hàng A bán cho Công ty LM, hóa đơn GTGT số 0001239, số tiền chưa thuế 300.000đ/chai, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty LM đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).

13. Ngày 18/12, công ty C hoàn thành việc bảo trì tài sản cố định đang dùng tại BPBH. Công ty đã nhận được hóa đơn yêu cầu thanh toán phí bảo trì với số tiền chưa thuế 5.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, thời gian thanh toán trong vòng 45 ngày.

14. Ngày 20/12, xuất kho 1 công cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên TSCĐ (tài sản dùng ở BPBH).

15. Ngày 23/12, công ty chuyển tiền gửi ngân hàng thanh toán tiền mua hàng ngày 03/12 cho công ty AH, phí ngân hàng khi thanh toán là 20USD. Tỷ giá GDTT mua, bán lần lượt là: 22.350VNĐ/USD; 22.450VNĐ/USD.

16. Ngày 25/12, công ty LM báo lô hàng mua ngày 15/12 bị lỗi, đã gửi biên bản đề nghị giảm giá 2% trên giá mua chưa thuế, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty đã đồng ý xuất hóa đơn giảm giá và chuyển khoản thanh toán lại công ty LM.

17. Ngày 28/12, khách hàng K chuyển khoản 50.000.000đ ứng trước tiền mua hàng tháng sau (công ty đã nhận được Giấy báo có ngân hàng)

18. Ngày 30/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 80.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 100.000.000đ. Kế toán ghi nhận lương phải trả và trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.

19. Ngày 31/12, chuyển khoản nộp các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn còn nợ

20. Ngày 31/12, tiền thuế TNCN tạm tính của nhân viên là 30.000.000đ.

21. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)

22. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.

23. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).

24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 22.200VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 22.500VNĐ/USD.

25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.
2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 14:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty SX Ngọc Định
- Trụ sở: 123 Thanh Xuân 62, P. Thanh Xuân, Quận 12, Tp.HCM
- Vốn điều lệ của công ty: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thiết bị tỏa nhiệt.
- Sản phẩm: Bàn ủi.
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho hàng tồn kho và ngoại tệ theo phương pháp Bình quân gia quyền cuối kỳ

+ Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

+ Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		340.000.000		
	1111	340.000.000		
112		2.040.700.000		
	1121	1.832.800.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	207.900.000		9.000USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		795.000.000		
	1311	305.000.000		
	1311_B	305.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 12 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
	1312	490.000.000		
	1312_A	330.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/01/N-2, thời hạn nợ 24 tháng

	1312_C	160.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 16 tháng
152		550.000.000		
	152_TH	440.000.000		Số lượng: 20.000 kg thép
	152_DD	110.000.000		Số lượng 10.000m dây đốt nóng
153		4.500.000		
	1531_CC	4.500.000		Số lượng: 3 công cụ
154		1.500.000		
	154_BU	1.500.000		
155		800.000.000		
	1551	800.000.000		
	1551_BU	800.000.000		Số lượng: 4.000 cái bàn ủi
211		812.000.000		
	2112_LT	72.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 máy hủy giấy mỗi máy 36.000.000đ
	2113_XT	740.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
214			528.481.481	
	2141_LT		42.000.000	Hao mòn lũy kế máy hủy giấy 2 năm 11 tháng

	2141_XT		486.481.481	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 11 tháng
331			530.000.000	
	3311		530.000.000	
	3311_X		410.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)
	3311_Y		120.000.000	Công ty Y (nợ ngắn hạn)
341			400.000.000	
	3411		400.000.000	Vay ngắn hạn ông Nguyễn Văn A
411			3.885.218.519	
	4111		3.885.218.519	
TỔNG		5.343.700.000	5.343.700.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N:

- Ngày 01/12, bán bớt 1 máy hủy giấy đang dùng tại bộ phận quản lý doanh nghiệp với giá bán chưa thuế GTGT 18.000.000đ, thuế GTGT 10%, công ty đã xuất hóa đơn GTGT số 0001237 và nhận được giấy báo Có của ngân hàng do khách hàng thanh toán tiền. Chi phí tân trang tài sản để bán là 825.000đ, trong đó thuế GTGT là 10% đã thanh toán bằng tiền mặt.
- Ngày 02/12, xuất kho 2.000 cái bàn ủi gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 700.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).
- Ngày 03/12, nhập khẩu 10.000kg thép, giá nhập khẩu là 9.000USD, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 22.050VNĐ/USD; 22.150VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng doanh nghiệp chưa thanh toán cho người bán K, thời hạn thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận hàng. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).

4. Ngày 05/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 1.500 cái bàn ủi, hoa hồng đại lý được hưởng là 5% trên tổng doanh thu chưa thuế, thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có).
5. Ngày 06/12, mua 1 laptop Hp theo hóa đơn GTGT số 0001234, số tiền chưa thuế 52.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. Laptop được đưa vào sử dụng cùng ngày, dùng cho hoạt động bán hàng. Thời gian trích khấu hao 6 năm theo thuế và 5 năm theo kế toán.
6. Ngày 08/12, xuất khẩu 1.000 bàn ủi bán cho công ty D, giá bán 22 USD/cái, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 21.150VNĐ/USD; 21.250VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.500VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 5% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp thuế vào ngân sách nhà nước (đã có giấy báo của ngân hàng).
7. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay cho ông Nguyễn Văn A. Biết rằng số tiền vay dùng cho hoạt động kinh doanh, lãi suất vay cá nhân là 1,8%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1%/tháng.
8. Ngày 13/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 180.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ).
9. Ngày 14/12, mua nhập kho 5.000kg thép và 8.000m dây đốt nóng của công ty H, nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, số tiền chưa thuế 17.000đ/kg và 11.000đ/m, thuế suất thuế GTGT 10%, thanh toán trong vòng 45 ngày.
10. Ngày 15/12, chuyển khoản thanh toán tiền điện, nước dùng ở phân xưởng sản xuất, số tiền chưa thuế 20.000.000đ, thuế GTGT 10% (đã nhận giấy báo Nợ ngân hàng).
11. Ngày 16/12, xuất kho 25.000kg thép và 15.000m dây đốt nóng để sản xuất sản phẩm
12. Ngày 17/12, mua 1 máy lạnh đưa ngay vào sử dụng ở BPQL, số tiền chưa thuế 15.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt, máy lạnh phân bổ 10 tháng, bắt đầu từ tháng này.
13. Ngày 19/12, chuyển khoản thanh toán tiền mua lô hàng ngày 14/12, do thanh toán trước hạn nên được hưởng chiết khấu thanh toán 3% trên tổng giá trị đơn hàng.
14. Ngày 20/12, thanh toán tiền đồng phục năm N cho 3 nhân viên QLDN số tiền

8.500.000đ/nhân viên (đã nhận giấy báo Nợ).

15. Ngày 25/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 60.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 70.000.000đ, công nhân trực tiếp sản xuất 80.000.000đ, nhân viên phân xưởng 50.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.

16. Ngày 26/12, tiền thuế TNCN tạm tính là 30.000.000đ

17. Ngày 27/12, xuất kho 1.000 bản ủ bán cho Công ty L, hóa đơn GTGT số 0001239, số tiền chưa thuế 500.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty L đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).

18. Ngày 27/12, chi tiền mặt thanh toán tiền thuê mặt bằng tháng 12 là 23.100.000đ, trong đó thuế suất thuế GTGT 10%

19. Ngày 28/12, kiểm kê kho phát hiện thiếu 1 công cụ, công ty xử lý bằng cách trừ lương nhân viên quản lý kho tháng này.

20. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)

21. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.

22. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).

23. Ngày 31/12, nhận báo cáo từ phân xưởng, số lượng thành phẩm hoàn thành nhập kho là 5.000TP. Thực hiện các bút toán kết chuyển chi phí tính giá thành sản phẩm (biết công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn, chi phí dở dang cuối kỳ 3.000.000đ)

24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 22.600VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 22.700VNĐ/USD.

25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.

2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N
4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.
5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

ĐỀ 15:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên công ty: Công ty SX Khai Nhi
- Trụ sở: 11 Thạnh Xuân 22, P. Thạnh Xuân, Quận 12, Tp.HCM
- Vốn điều lệ của công ty: 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Thiết bị tỏa nhiệt.
- Sản phẩm: Bàn ủi.
- Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính
- Ghi sổ kế toán theo mẫu sổ Nhật ký chung
- Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty như sau:
 - + Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho hàng tồn kho và ngoại tệ theo phương pháp FIFO
 - + Kê khai và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

II. CÁC SỐ LIỆU KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

II.1. Số dư tại ngày 01/12/N

TK		SỐ TIỀN		GHI CHÚ
CẤP 1	CẤP 2	NỢ	CÓ	
111		340.000.000		
	1111	340.000.000		
112		2.045.200.000		
	1121	1.832.800.000		Ngân hàng Techcombank
	1122	212.400.000		9.000USD, mở tại ngân hàng Techcombank
131		765.000.000		
	1311	205.000.000		
	1311_B	205.000.000		Công ty B, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 12 tháng
	1311_D			Công ty D
	1311_DL			Đại lý
	1312	560.000.000		
	1312_A	360.000.000		Công ty A, ngày nợ 01/01/N-2, thời hạn nợ 24 tháng
	1312_C	200.000.000		Công ty C, ngày nợ 01/10/N, thời hạn nợ 16 tháng
152		620.000.000		
	152_TH	500.000.000		Số lượng: 20.000 kg thép

	152_DD	120.000.000		Số lượng 10.000m dây đốt nóng
153		5.400.000		
	1531_CC	5.400.000		Số lượng: 3 công cụ
154		1.500.000		
	154_BU	1.500.000		
155		800.000.000		
	1551	1.000.000.000		
	1551_BU	1.000.000.000		Số lượng: 4.000 cái bàn ủi
211		812.000.000		
	2112_LT	72.000.000		Thời gian trích khấu hao 5 năm – BPQLDN (2 máy hủy giấy mỗi máy 36.000.000đ
	2113_XT	740.000.000		Thời gian trích khấu hao 9 năm – BPBH (1 xe tải nhỏ)
214			528.481.481	
	2141_LT		42.000.000	Hao mòn lũy kế máy hủy giấy 2 năm 11 tháng
	2141_XT		486.481.481	Hao mòn lũy kế của xe tải 5 năm 11 tháng
331			600.000.000	
	3311		600.000.000	
	3311_X		420.000.000	Công ty X (nợ ngắn hạn)

	3311_Y		180.000.000	Công ty Y (nợ ngắn hạn)
341			500.000.000	
	3411		500.000.000	Vay ngắn hạn ông Nguyễn Văn A
411			3.960.618.519	
	4111		3.960.618.519	
TỔNG		5.589.100.000	5.589.100.000	

II.2. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N:

- Ngày 01/12, mua 1 máy tính tiền theo hóa đơn GTGT số 0005234, số tiền chưa thuế 130.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã nhận giấy báo Nợ của ngân hàng. Laptop được đưa vào sử dụng cùng ngày, dùng cho hoạt động bán hàng. Thời gian trích khấu hao 3 năm theo thuế và 4 năm theo kế toán.
- Ngày 01/12, bán bớt 1 máy hủy giấy đang dùng tại bộ phận quản lý doanh nghiệp với giá bán chưa thuế GTGT 18.000.000đ, thuế GTGT 10%, công ty đã xuất hóa đơn GTGT số 0001237 và nhận được giấy báo Có của ngân hàng do khách hàng thanh toán tiền. Chi phí tân trang tài sản để bán là 825.000đ, trong đó thuế GTGT là 10% đã thanh toán bằng tiền mặt.
- Ngày 02/12, xuất kho 2.000 cái bàn ủi gửi đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng, giá bán chưa thuế 700.000đ/cái, thuế GTGT 10% (đại lý chưa bán được hàng).
- Ngày 03/12, nhập khẩu 10.000kg thép, giá nhập khẩu là 9.000USD, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 22.050VNĐ/USD; 22.150VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.200VNĐ/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 5%, thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tiền hàng doanh nghiệp chưa thanh toán cho người bán K, thời hạn thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận hàng. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp đủ tiền thuế NK, thuế GTGT hàng nhập khẩu vào ngân sách (đã nhận giấy báo Nợ).
- Ngày 05/12, nhận được thông báo đại lý đã bán được 1.500 cái bàn ủi, hoa hồng đại lý được hưởng là 5% trên tổng doanh thu chưa thuế, thuế GTGT của hoa hồng là 10%. Sau khi căn trừ tiền hoa hồng, đại lý đã chuyển khoản tiền bán hàng cho công ty (đã nhận được giấy báo Có).

6. Ngày 08/12, xuất khẩu 1.000 bàn ủi bán cho công ty D, giá bán 22 USD/cái, tỷ giá GTGT mua, bán lần lượt là: 21.150VNĐ/USD; 21.250VNĐ/USD, tỷ giá tính thuế hải quan là 22.500VNĐ/USD, thuế suất thuế xuất khẩu 5% và thuế suất thuế GTGT hàng xuất khẩu là 0%. Khách hàng đã thanh toán ngay bằng chuyển khoản. Doanh nghiệp đã chuyển khoản TGNH VNĐ nộp thuế vào ngân sách nhà nước (đã có giấy báo của ngân hàng).
7. Ngày 10/12, chuyển khoản thanh toán tiền lãi vay cho ông Nguyễn Văn A. Biết rằng số tiền vay dùng cho hoạt động kinh doanh, lãi suất vay cá nhân là 2%/tháng, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay là 1%/tháng.
8. Ngày 13/12, chuyển khoản thanh toán lương đợt 1 cho nhân viên, số tiền 180.000.000đ (đã nhận giấy báo Nợ).
9. Ngày 14/12, mua nhập kho 5.000kg thép và 8.000m dây đốt nóng của công ty H, nhận được hóa đơn GTGT số 0001067, số tiền chưa thuế 17.000đ/kg và 11.000đ/m, thuế suất thuế GTGT 10%, thanh toán trong vòng 45 ngày.
10. Ngày 15/12, chuyển khoản thanh toán tiền điện, nước dùng ở phân xưởng sản xuất, số tiền chưa thuế 20.000.000đ, thuế GTGT 10% (đã nhận giấy báo Nợ ngân hàng).
11. Ngày 16/12, xuất kho 25.000kg thép và 15.000m dây đốt nóng để sản xuất sản phẩm
12. Ngày 17/12, mua 1 máy lạnh đưa ngay vào sử dụng ở BPQL, số tiền chưa thuế 15.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt, máy lạnh phân bổ 10 tháng, bắt đầu từ tháng này.
13. Ngày 19/12, chuyển khoản thanh toán tiền mua lô hàng ngày 14/12, do thanh toán trước hạn nên được hưởng chiết khấu thanh toán 3% trên tổng giá trị đơn hàng.
14. Ngày 20/12, thanh toán tiền đồng phục năm N cho 3 nhân viên QLDN số tiền 8.200.000đ/nhân viên (đã nhận giấy báo Nợ).
15. Ngày 25/12, tiền lương phải trả cho người lao động như sau: nhân viên phòng kinh doanh 60.000.000đ, nhân viên quản lý doanh nghiệp 70.000.000đ, công nhân trực tiếp sản xuất 80.000.000đ, nhân viên phân xưởng 50.000.000đ. Trích các khoản theo lương theo quy định hiện hành. Biết rằng tỷ lệ trích tính vào chi phí là 23,5%; doanh nghiệp chịu là 10,5%.
16. Ngày 26/12, tiền thuế TNCN tạm tính là 30.000.000đ
17. Ngày 27/12, xuất kho 1.000 bàn ủi bán cho Công ty L, hóa đơn GTGT số 0001239,

số tiền chưa thuế 500.000đ/cái, thuế suất thuế GTGT 10%, công ty L đã chuyển khoản thanh toán (đã nhận giấy báo Có của ngân hàng).

18. Ngày 27/12, chi tiền mặt thanh toán tiền thuê mặt bằng tháng 12 là 23.100.000đ, trong đó thuế suất thuế GTGT 10%

19. Ngày 28/12, kiểm kê kho phát hiện thiếu 1 công cụ, công ty xử lý bằng cách trừ lương nhân viên quản lý kho tháng này.

20. Ngày 31/12, lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có)

21. Ngày 31/12, thực hiện bút toán kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ.

22. Ngày 31/12, thực hiện bút toán trích khấu hao tài sản cố định; Phân bổ 242 (nếu có).

23. Ngày 31/12, nhận báo cáo từ phân xưởng, số lượng thành phẩm hoàn thành nhập kho là 5.000TP. Thực hiện các bút toán kết chuyển chi phí tính giá thành sản phẩm (biết công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn, chi phí dở dang cuối kỳ 3.000.000đ)

24. Ngày 31/12, xử lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, biết tỷ giá mua của ngân hàng thương mại là 20.600VNĐ/USD, tỷ giá bán của ngân hàng thương mại là 20.700VNĐ/USD.

25. Ngày 31/12, thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Yêu cầu:

1. Hãy xác định chênh lệch tạm thời và chênh lệch vĩnh viễn khi tính thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp, chi phí thuế TNDN hoãn lại. Biết thuế suất thuế TNDN là 20%.

2. Tính toán và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

3. Lập sơ đồ chữ T (Tài khoản cấp 1) và Bảng Cân đối tài khoản tháng 12/N

4. Lập Báo cáo tài chính tháng 12/N bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh BCTC.

5. Tính toán các chỉ tiêu tài chính cơ bản và đề xuất giải pháp để cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản bao gồm Chỉ số thanh toán hiện hành, Chỉ số thanh toán nhanh, Chỉ số vòng quay các khoản phải thu, Chỉ số vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay tài sản cố định, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS), Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần – ROE.

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

Bảng ghi nhận đánh giá PROJECT BÁO CÁO TÀI CHÍNH cuối kỳ

ĐIỂM PROJECT NHÓM	ĐIỂM CỦA NHÓM: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CHO DN: - - TÊN HỌ VÀ CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA GV: ThS. Phạm Thị Thu Huyền
Phần 2: Đánh giá cá nhân làm việc nhóm	
ĐIỂM THÀNH VIÊN NHÓM	<i>Danh sách thành viên của Nhóm:</i> 1. <i>(Tên, MSV, lớp):</i> <i>Điểm làm việc nhóm (%):</i> 2. <i>(Tên, MSV, lớp):</i> <i>Điểm làm việc nhóm (%):</i> 3. <i>(Tên, MSV, lớp):</i> <i>Điểm làm việc nhóm (%):</i> 4. <i>(Tên, MSV, lớp):</i> <i>Điểm làm việc nhóm (%):</i> 5. <i>(Tên, MSV, lớp):</i> <i>Điểm làm việc nhóm (%):</i> <i>TÊN HỌ VÀ CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÓM:</i> 1.

	2. 3. 4. 5.
ĐIỂM CỦA CÁ NHÂN (do GV ghi)	<i>Danh sách thành viên của Nhóm:</i> 1. <i>(Tên, MSV, lớp):</i> <i>Điểm cá nhân:</i> 2. <i>(Tên, MSV, lớp):</i> <i>Điểm cá nhân:</i> 3. <i>(Tên, MSV, lớp):</i> <i>Điểm cá nhân:</i> 4. <i>(Tên, MSV, lớp):</i> <i>Điểm cá nhân:</i> 5. <i>(Tên, MSV, lớp):</i> <i>Điểm cá nhân:</i> <i>TÊN HỌ VÀ CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA GV:</i> ThS. Phạm Thị Thu Huyền

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC GIỮA GIẢNG VIÊN VÀ NHÓM	Lần 1: - Ngày/tháng/năm: - Hình thức: - Nội dung: - Vắng thành viên: - Tiến độ Project: - Kết quả:
	Lần 2: - Ngày/tháng/năm: - Hình thức: - Nội dung: - Vắng thành viên: - Tiến độ Project: - Kết quả:
	Lần 3: - Ngày/tháng/năm: - Hình thức: - Nội dung: - Vắng thành viên: - Tiến độ Project: - Kết quả:
	<i>Danh sách thành viên của Nhóm:</i> 1. (Tên, MSV, lớp): Điểm cá nhân:

	2. (Tên, MSV, lớp): Điểm cá nhân: 3. (Tên, MSV, lớp): Điểm cá nhân: 4. (Tên, MSV, lớp): Điểm cá nhân: 5. (Tên, MSV, lớp): Điểm cá nhân: TÊN HỌ VÀ CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA GV: ThS. Phạm Thị Thu Huyền
--	--

Bài làm:

Yêu cầu 1:

Yêu cầu 2:

Yêu cầu 3:

Yêu cầu 4:

Yêu cầu 5:

3. Rubric và thang điểm

CLO 01: Xử lý thông tin khi thực hiện các công việc kế toán tại doanh nghiệp bao gồm: ghi nhận nghiệp vụ về các loại thuế, tính phí phát sinh, chi phí theo đúng quy định của pháp luật (30%)_PI 2.1,A_(3 ĐIỂM)						
Tiêu chí	Trọng số điểm (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 25%	Không đạt 0%
Vận dụng các văn bản qui phạm pháp luật kế toán, thuế ghi nhận nghiệp vụ phát sinh	20%	Đúng 100%	Đúng 75%	Đúng 50%	Đúng 25%	Đúng 0%
Lập sơ đồ tài khoản	5%	Đúng 100%	Đúng 75%	Đúng 50%	Đúng 25%	Đúng 0%
Ghi nhận nghiệp vụ khóa sổ, điều chỉnh	3%	Đúng 100%	Đúng 75%	Đúng 50%	Đúng 25%	Đúng 0%

Xử lý các trường hợp có sai sót kế toán	2%	Đúng 100%	Đúng 75%	Đúng 50%	Đúng 25%	Đúng 0%
---	----	-----------	----------	----------	----------	---------

CLO 02: Lập báo cáo tài chính, xử lý các nghiệp vụ khóa sổ, sai sót kế toán, ước tính kế toán, các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo đúng các quy định của pháp luật (30%)_PI 2.2_(3 ĐIỂM)						
Tiêu chí	Trọng số điểm (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 25%	Không đạt 0%
Lập bảng CĐPS	10%	Chính xác	Sai 1-5 tài khoản	Sai 6-10 tài khoản	Sai 11-15 tài khoản	Sai trên 15 tài khoản
Tính các chỉ tiêu và trình bày các chỉ tiêu trên Bảng KQHĐ KD	5%	Chính xác	Sai 1- 5 chỉ tiêu	Sai 6-10 chỉ tiêu	Sai 11-15 chỉ tiêu	Sai trên 15 chỉ tiêu
Tính các chỉ tiêu và trình	10%	Chính xác	Sai 1- 5 chỉ tiêu	Sai 6-10 chỉ tiêu	Sai 11-15 chỉ tiêu	Sai trên 15 chỉ tiêu

bày các chỉ tiêu trên Bảng CĐKT						
Tính các chỉ tiêu và trình bày các chỉ tiêu trên Thuyết minh BCTC	5%	Chính xác	Sai 1- 5 chỉ tiêu	Sai 6-10 chỉ tiêu	Sai 11- 15 chỉ tiêu	Sai trên 15 chỉ tiêu

**CLO 03: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chuyên môn trong việc lập
báo cáo tài chính (20%)_PI 8.2 _(2 ĐIỂM)**

Tiêu chí	Trọng số điểm (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 25%	Không đạt 0%
Tính đúng chỉ tiêu (mã số 51)chi phí thuế TNDN hiện hành	5%	Tính đúng chi phí thuế TNDN hiện hành	Xác định được các căn cứ tính thuế TNDN hiện hành nhưng bỏ sót 1 mục không trọng yếu	Xác định được các căn cứ tính thuế TNDN hiện hành nhưng bỏ sót 2 mục không trọng yếu	Xác định được các căn cứ tính thuế TNDN hiện hành nhưng bỏ sót 3,4 mục không trọng yếu	Tính sai cả hai chỉ tiêu

Tính đúng chỉ tiêu (mã số 52) chi phí thuế TNDN hoãn lại	5%	Xác định số phát sinh 243, 347, đúng định khoản và chỉ tiêu 52	Xác định đúng số phát sinh 243, 347 liên quan đến 1 tài sản nhưng đúng 1 định khoản	Xác định đúng số phát sinh 243 hoặc 347 liên quan đến 1 tài sản nhưng định khoản đúng	Xác định đúng số phát sinh 243 hoặc 347 liên quan đến 1 tài sản nhưng định khoản sai	Tính sai cả hai chỉ tiêu 243 và 347
Tính các chỉ tiêu và trình bày các chỉ tiêu trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	5%	Chính xác	Sai 1- 5 chỉ tiêu	Sai 6-10 chỉ tiêu	Sai 11- 15 chỉ tiêu	Sai trên 15 chỉ tiêu
Tính và giải thích các chỉ tiêu tài chính	5%	Tính và giải thích hợp lý các chỉ tiêu tài chính	Tính và giải thích khá hợp lý các chỉ tiêu tài chính	Tính và giải thích tương đối hợp lý các chỉ tiêu tài chính	Tính và giải thích chưa hợp lý các chỉ tiêu tài chính	Không tính hoặc tính sai các chỉ tiêu

CLO4: Làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm một cách hiệu quả (20%)_PI 4.3, A (2 ĐIỂM)

Tiêu chí	Trọng số điểm (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 25%	Không đạt 0%
Lập kế hoạch nhóm với vai trò lãnh đạo	5%	Lập kế hoạch làm việc nhóm có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể	Lập 75% kế hoạch làm việc nhóm có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể	Lập 50% kế hoạch làm việc nhóm có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể	Lập 25% kế hoạch làm việc nhóm có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể	Không lập kế hoạch
Theo dõi tiến độ làm việc nhóm, góp ý đánh giá kết quả làm việc nhóm	5%	Tham dự > 80% và tuân thủ theo sự phân công trong nhóm và phối hợp tốt	Tham dự >60% tuân thủ theo sự phân công trong nhóm một cách tương đối	Tham dự >40% tuân thủ theo sự phân công trong nhóm một cách tương đối	Tham dự > 20% và ít tuân theo sự phân công nhóm	Tham dự từ 20% trở xuống và không tuân theo sự phân công nhóm
Cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao	5%	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao	Hoàn thành 75% nhiệm vụ được giao	Hoàn thành 50% nhiệm vụ được giao	Hoàn thành 25% nhiệm vụ được giao	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao

Nội project đúng hạn	5%	Đúng hạn	Trễ 1 ngày	Trễ 2 ngày	Trễ 3 ngày	Trễ >3 ngày
----------------------------	----	-------------	---------------	---------------	---------------	----------------

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

Th.s Nguyễn Thị Thu Vân

Phạm Thị Thu Huyền